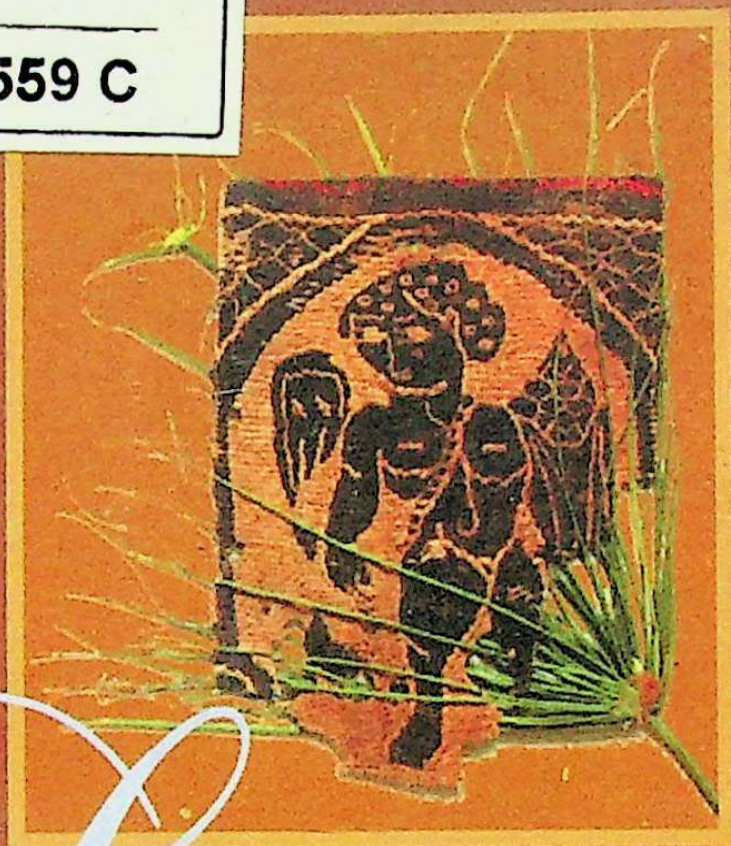


HOÀNG VĂN BỔN

895.922 803

ĐC

L 559 C



Lưom cái hoia rôi



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

2000

*Bướm
cái hoa rơi*

Mã số phân loại

$$\frac{V24}{ĐN2000} 1548 - 2000$$

HOÀNG VĂN BỐN

Lượm

Cái

Hoa

Roi

PC/2011 / PAC/W 000820

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI - 2000

NHÀ VĂN LÝ VĂN SÂM

Chuyện này mới xảy ra đây thôi. Nhưng không hiểu tại sao, tôi cứ hình dung nó đã xảy ra rất lâu đời với thế hệ chúng tôi.

Anh ấy đã qua được trận xuất huyết não đúng ngày giao thừa. Tôi và nhà văn trẻ Nguyễn Đức Thọ thuê chuyên taxi cấp tốc xuống bệnh viện Chợ Rẫy thăm anh.

Trên giường bệnh của bệnh viện, chỉ thấy một đốm sáng ngọ nguậy, im lặng. Cái đốm sáng chiều giao thừa ấy là mái tóc bạc của nhà văn tiền chiến Lý Văn Sâm. Sống với nhau hơn hai chục năm, tôi không ngờ, hôm ấy, sao anh nhỏ thó, dẹt dẹt, bèo nhèo đến thế.

Tôi vừa đặt tay lên trán anh, lập tức anh quay lại, đưa hai ngón tay gầy guộc làm điệu bộ xin thuốc lá. Chắc cơn ghiền hành hạ anh nhiều lắm. Tôi đành lắc đầu: Bệnh viện cấm. Tuyệt đối cấm hút thuốc lá. Anh cười, cái miệng méo xẹo đến thảm hại. Trời, trước cơn xuất huyết não, miệng mồm anh có méo mó thế này đâu. Mấy hôm sau, khi chuẩn bị quay phim anh, anh soi kiếng cố sửa cái miệng hoài, vẫn không được, than thở nghe đứt ruột: “Thôi, muốn méo cho nó meo cho đã”.

Tuần lễ này, tôi và Nguyễn Đức Thọ cùng tổ

làm phim đi thực hiện bộ phim chân dung nhà văn tiền chiến Lý Văn Sâm nhân ông 80 tuổi. Phải ghi là bước vào tuổi tám mươi. Vì, khi ông bảo sinh năm 1922. Khi ông bảo sinh năm 1919, 1920. Cũng chẳng thắc mắc chuyện ấy làm gì. Theo cách nói của dân Đồng Nai khoai củ, đó là “ba cái lẻ tẻ”. Một hai tuổi, nhằm nhò gì. Bây giờ, có khai sứt năm, ba tuổi, cũng chẳng tài nào viết thêm được một tiểu thuyết nào, chẳng làm sao viết thêm được dăm truyện ngắn như “Chuông rung trên tháp đổ” năm nào. - Còn chuyện kín khác, ông chu đôi môi vốn méo xeo lại, thảm quá. Nhớ rằng xưa, ông là một tài hoa, một đào hoa. Rất đẹp trai. Lại được phép của cách mạng sống hoạt động hợp pháp giữa đô thị Sài Gòn, Biên Hòa hầu như cả chín năm kháng chiến chống Pháp, trong hai mươi năm kháng chiến chống Mỹ. Ông phải vào chiến khu phụ trách Vụ trưởng văn nghệ của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam do ông Huỳnh Tấn Phát lãnh đạo vài ba năm. Cộng lại thời gian sống, hoạt động công khai ở Sài Gòn, Biên Hòa, không dưới hai mươi năm. Vậy mà vẫn không nhà, không cửa. Hầu như ăn, ở khi trên gác xếp của một tòa báo nào đó, một nhà xuất bản nào đó. Cơm dĩa, cà phê dĩa. Ục một cái, đứng dậy nhìn ngó dáo dác ba bề bốn bên, có tín hiệu, mật thám là dọt. Cũng nhờ trời sinh con người nhỏ thó, “mình hạc xương mai” thế, nên đã hàng chục lần “dọt”, “lủi” nhanh như chớp tại thành phố Biên Hòa, bò trườn trên mái nhà mẹ vợ sang mái nhà khác như thần lẩn. Mật thám chửi bới rân trời, bỏ cuộc. Ông Năm Nổi, già làng dân tộc ChơRơ ở Tà Lài kể lại một chuyện cũng

LƯỢM CÁI HOÀ RƠI

vui vui, nhưng cũng ngậm ngùi: Sau khi vượt ngục Tân Hiệp, ông vượt sông Đồng Nai lên Tà Lài để bắt liên lạc, hoạt động. Ông Năm Nổi vì mất liên lạc với ông vài năm, đành phải thử bằng cách của dân ChơRơ. Cứ để ông ấy ngồi đằng hoàng giữa sàn nhà. Bên ngoài bắn vài phát súng, la to: “Giặc tới”. Nếu ông ấy bỏ chạy vô rừng trốn giặc, là ta. Còn, nếu ngược lại, thì, khử.

Mới có một phát súng, chưa kịp nghe tiếng hô báo động, ngó lại ông ấy như con thỏ rừng, dọt mất. Vậy là Lý Văn Sâm vẫn là của ta. Và, sau đó, ông ấy hoạt động tại Tà Lài rất lâu, dạy cả chữ cho đồng bào ChơRơ, vào rừng đào củ chup, củ mài, bẻ măng... Sau đó, mới phụ trách tờ Văn nghệ giải phóng cùng với Út Thiện, Giang Nam.

... Quay cảnh ông, bà viếng mộ cha, mộ mẹ ở làng Bình Long. Phải khênh ông lên ô tô bằng chiếc xe lăn do ông bạn doanh nghiệp tặng.

Khi khênh ông lên lầu hai của Nhà Xuất bản để quay tạm vài cảnh ông sinh hoạt cùng các bạn văn, thơ... của Đồng Nai do ông sáng lập, góp phần đào tạo quan trọng, tôi bảo ông: “Đưa Càn Long lên lầu”. Ông ngồi trên xe lăn, người bé tí (đúng là bé tí, chỉ một dùm thôi). Tại sao có lúc con người ta lại teo tóp thảm hại và tài tình đến thế). Tôi và các cậu đạo diễn, quay phim còn trẻ cười nói, gần như xách bổng ông và chiếc xe lên lầu hai một cách hết sức nhẹ nhàng, ông chu miệng lại, cười: “Nếu mình bỗng nhiên phục hồi cơ thể cao lớn, đẹp trai, tốt tướng như xưa, các cậu thêm khổ

thôi.". Cậu đạo diễn tên Bình rất mến, rất kính trọng ông lại pha trò: "Chúng cháu khổ hay các cô gái Sài Gòn, Paris khổ, chú?". Ông cười, cái miệng càng méo, người càng nhỏ, đôi vai càng nhô cao.

Lên đến khu nghĩa địa Bình Long, đầu đường vào nhà tôi, chúng tôi lại khiêng ông từ trên ô tô xuống giữa khu nghĩa địa có cả gần trăm ngôi mộ cũ, mới. Trong số mộ cũ, có mộ nhiều bạn thân của ông thời chín năm chống Pháp, như ông Chín Lễ, Bùi Ru người có họ với ông.

Đặt ông ngồi trên xe lăn, tôi đẩy xe vòng vèo giữa các ngôi mộ quen thuộc trước khi dừng xe trước ngôi mộ ông thân của ông. Ngồi trên xe lăn, đầu đội chiếc mũ màu đen, miệng chu lại, mắt nheo nheo, hấp háy, rồi hai giọt nước mắt trong veo từ từ nhú ra. Tôi đâm hoảng. Vì ông vốn bị huyết áp cao. Làm bộ phim này, chúng tôi bảo nhau: Triệt để tránh cảnh xúc động. Tuổi già, khó lắm. Tuổi già như trái chín cây.

Tự dưng, ông ngoảnh lại nhìn tôi, nhìn cái mũ đen trên đầu tôi thều thào: "Hai thằng già dun dầy nhau giữa khu nghĩa địa quê nhà. Đội ơn cái làng Bình Long của hai thằng già tội mình đã sinh thành hai đứa mình... Tôi tám mươi. Ông cũng bảy mươi rồi. Mà sự nghiệp chẳng ra cái chó gì cả". Tôi cười mà như mỉa: "Vâng. Vậy mà có lúc, mình tưởng mình là ông tướng, ông trời văn chương của Đồng Nai khoai củ dấy. Phù phiếm quá". Ông lại cười, đưa tay bứt một bông cỏ may cho vào miệng: "Phù hoa. Hội chợ phù hoa của Thaccơrê. Không phải phù phiếm." - "Đúng, cả phù hoa lẫn phù

phiếm... Nhưng trước đây, nếu không có cái chất “cuồng tín” ấy, làm sao anh có thể tồn tại mấy chục năm trời trên các gác xép mái tôn nóng hằm hập, gặm bánh mì khô như củi, để gò lưng viết hàng mấy trăm chuyện ngắn, mấy chục tiểu thuyết, chấp nhận ngồi tù thời chống Pháp ở bót Catina, ngồi tù ở Tân Hiệp, Biên Hòa mình thời chống Mỹ...

Ông gật gù, lại đưa tay bứt một chiếc lá giang chua trên nắm mộ chí của ông già, đưa vào miệng nhấm nháp, khiến tôi ớn lạnh. Hành động ấy với ông là vô tình. Nhưng với tôi, hình như nó có mang một ý nghĩa thậm kín đáo đây. Tại sao khi đẩy xe lăn qua mấy tấm mộ chí khác, tấm nào cũng mọc đầy lá giang - cái thứ lá trời cho của xứ tôi để nấu canh chua rất đặc biệt - ông không bứt chiếc lá nào cho vào miệng, mà đợi đến ngôi mộ của ông già, mới làm cái chuyện ấy? Định lúc nào đó, tôi sẽ hỏi ông cái chuyện này. Với tôi, ông không giấu điều gì.

Quanh quẩn gần hai tiếng đồng hồ ở khu nghĩa trang này để hai bố con ông gặp gỡ, trò chuyện cùng nhau. Ông thú nhận là trước khi ông già ông qua đời, hai cha con rất ít tâm sự cùng nhau. Có thể lúc đó, ông là một chàng trai trẻ mang nặng ước muốn tìm kiếm một cuộc sống tự lập, tự do, lãng tử dọc con sông Đồng Nai quê hương. Còn người cha, vốn là công chức kiếm lâm, ngành rừng của xứ rừng đại ngàn Đồng Nai - Biên Hòa, không có thời giờ trong mái ấm cùng con.

Xe chạy qua chiếc cầu xi măng để ra bến đò Bình Ninh, ông ngoái nhìn chiếc cầu, nói:

- Cầu Bà Bướm, cách nhà mình không đầy trăm mét. nhà mình xé phía trong kia một chút.

Chúng tôi nhìn vào nơi ông chỉ: Mía xanh rì, vài đám đất đỏ, phát phơ cờ bắp, râu mướp, bí. Nhà ông không còn nữa, từ lâu lắm. Tôi nói băng quơ:

- Tháng Tám năm 1945, tôi phụ trách nhi đồng làng Bình Long mình. Suốt ngày đêm, cùng hàng trăm trẻ con làng mình kéo nhau đi đốt các sở cao su quanh đây, đập phá cầu, cống, đốt miếu, chùa để tiêu thổ kháng chiến...

- Nhà tôi cũng bị các ông đốt năm ấy. Hay là...

- Tôi nhớ, lúc đó, gần chiếc cầu Bà Bướm này, có một ngôi nhà ngói, tường gạch. Chúng tôi quăng bã mía, rơm rạ vào đây nhà, châm lửa. Có thể đó là nhà anh.

- Đúng là ông đốt nhà tôi tôi rồi. Nhà vẫn đốt nhà nhà vẫn.

- Nhà vẫn "trẻ" đốt nhà nhà vẫn "già". - Tôi chêm vào.

Rẽ vào ngôi chùa lâu đời của làng tôi. Thuở bé, tôi và lũ trẻ chăn trâu có tiếng là ngỗ ngược, bán trời không mời thiên lôi, nhưng với ngôi chùa này chúng tôi không dám chọc phá. Người ta đồn chùa linh thiêng lắm.

Lần trước, tôi, chị Hai, anh, và cô con dâu của anh mất nửa ngày trời dưới cái nắng như thiêu để tìm ngôi mộ của Mẹ anh, nghe nói chôn tại đây, thuộc đất

LƯỢM CÁI HOA RƠI

nhà chùa. Cuối cùng, đành phải khoanh lại: Những ngôi mộ nào bị bỏ hoang trên bốn chục năm. Vì ông phải đi kháng chiến, không có ai chăm sóc mộ mẹ, mộ cha. Có hai ngôi mộ bỏ hoang lâu năm. Tôi chọn một ngôi mộ có mối đùn, um tùm cây dại. Tôi bảo hai ông bà:

- Nếu trong hai tuần lễ, hai ông bà không nằm mơ, thấy bà già phản đối, ấy là chúng mình chọn đúng.

Đành phải thế thôi. Chẳng còn nhờ ai chỉ bảo được. Cái làng Bình Long của tôi từ năm 1946 đã bị giặc triệt hạ hoàn toàn, biến thành vành đai trắng, nghĩa là nơi chúng tha hồ bắn giết. Nào có ai dám về chăm sóc mồ mả người đã chết?

Quay xong cảnh ở đây, tôi ngáp ngừng mãi, mới hỏi nhỏ ông:

- Anh Hai nè, cô gái có tên TchoPhay trong tiểu thuyết mới in của anh, có đúng là người yêu của anh không? Có người bảo thế.

Anh nheo mắt nhìn ra đám cây điều lộn hột lủng lẳng nhiều trái non, nhìn cái nắng chấp chới trên nóc chùa, bâng quơ:

- Cô gái ấy là người thiếu số miệt Định Quán, Tà Lài... Thuở ấy, tôi là chủ mấy cái lò hầm than miệt Trị An, chỗ hôm trước tôi với anh lên dự lễ phong Anh hùng lực lượng vũ trang cho huyện Vĩnh Cửu mình đó...

- Có, tôi có nhớ. Nhớ cả cái rạch Đông, nơi anh hư cấu thành truyện ngắn "Đắp đập bắt sáu". Nhớ cả cái doi đất nơi anh viết truyện ngắn "Voi đội đèn". Có

cô gái thiếu số đứng trên chằng ba cây cắm lai cổ thụ chờ voi dữ kéo đến, đốt dầu chai quăng xuống lưng voi. Chúng chạy, hét vang rừng già. Có phải cô gái ấy là TchoPhay không?

- Có thể. Anh là nhà văn còn giàu tưởng tượng hơn tôi nhiều, hỏi bí tôi chuyện ấy làm gì? Vậy tôi hỏi lại anh: Cô Năm Đồng Nai anh viết trong tiểu thuyết "Trên mảnh đất này" là ai?

- Con cháu gái kêu tôi là cậu. Kia, nhà nó kia kia?

- Lát nữa, gặp cô ta chút, được không?

- Chết rồi. Sau năm 1975, tôi tìm mãi tận Thủ Đức, mới gặp lại được. Năm sau, trở về, nó đã chết. Chán quá.

Tôi lại hỏi tiếp:

- Nghe nói, cô TchoPhay ấy về sau có vô tu tại chùa này, đúng không. Có cái lý của nó, vì nhà anh kế bên chùa này. Dù có là sự thật, tôi tưởng là anh không hay biết. Mộ Mẹ, mộ Cha tại làng đây, anh còn không biết được kia mà...

- Ủ, chán thật. Cuộc đời tui mình, càng về già, càng gặp chuyện chán thật, cả hiện tại và quá khứ... Nếu cô ấy có đến chùa này tu thật, tôi tin là Mẹ tôi nằm đây, cũng biết... Nếu còn cầm bút được tôi sẽ hư cấu như anh tưởng tượng. Tôi thấy tôi với anh, hai thằng già cùng làng có thể hợp tác viết vài quyển về già, như Khái Hưng, Nhất Linh... Gần đây, tôi mơ ước thật sự như thế. Cái mạnh và cái yếu của anh và của

LUỘM CÁI HOA RƠI

tôi sẽ bù đắp, san sẻ cho nhau. Anh cầm bút run tay, nhưng đánh máy lạnh lẽo. Tôi đánh máy không được, nhưng lại cầm bút còn vững lắm...

Tôi bất giác nhìn mười đầu ngón tay của anh và của tôi. Tôi thấy cả bốn bàn tay đều nổi đầy gân xanh, có cục, có cục xám ngoét thắm hại.

Tôi bất giác nhớ anh kể: Năm 1956, khi chúng tôi đã tập kết ra Bắc, anh ở lại hoạt động báo chí đòi Tự do, Dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân theo hiệp định Giơneo, chẳng may bị chúng bắt. Hôm thẩm vấn anh tại trung tâm Catina thân trùng từ thời Pháp thuộc, thời cò Badin khét tiếng tàn ác, có cả anh Nguyễn Trọng Tâm, tình báo chiến lược từ Hà Nội đánh vào (sau năm 1975, Nguyễn Trọng Tâm được phong Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân) Nguyễn Trọng Tâm kể lại: Đến lúc ấy, Tâm mới thực sự biết nhà văn Lý Văn Sâm, dù trước đó, đã có đọc của anh rất nhiều... Thấy anh nhỏ thó, gầy gò, hiền lành, Tâm dâm lo thay cho anh. Qua được cái cuộc thẩm vấn này, nhà văn có còn được thế này không. Và, chúng lấy thước kẻ học trò đập mạnh vào hai bàn tay của Lý Văn Sâm, phải nói là dằn, chứ không phải đập. Tâm thấy nhà văn mình hạc xương mai của chúng ta co rúm người lại chịu trận. Thằng ác ôn cao to, mập mập gấp chục lần nhà văn, mỗi một cái đập thước lại day nghiêng "Cho mày viết báo chửi tội tao. Cho mày viết" "Chuông rung trên tháp đồng". Cho mày viết "Thêm một ngọn đèn", cho mày viết "Ngàn sau sông Dịch". Dịch, dịch, dịch... - Cuối cùng, hàng chục, hàng trăm cái đập thước 'trừng phạt' những tác phẩm nhà văn viết chửi lại chúng. Hai

bàn tay gân guốc của nhà văn gầy đồ mững, run bần bật, chỉ thấy trơ xương như dò gà luộc, bong gân...

Nghe kể lại chuyện xưa ấy, anh cười tủm, méo miệng:

- Anh ra chiến khu sớm, có cái gian khó của cuộc sống chiến khu. Còn cái đám văn sĩ tụi tôi được phân công chui lại thành đô hoạt động hợp pháp, gian nan lắm. Nhạc sĩ Trương Bình phải làm vũ sư kiếm sống và hoạt động. Sơn Nam, quen biết với anh từ dạo giải thưởng giải Cửu Long năm 1952 ở miền Tây, phải chống gậy, xách bị đi ăn mày trong phong trái ký giả ăn mày để phản đối luật phát xít của chúng... Hình như anh rất thích cái hình tượng anh chàng Grigori Mêlêkhốp của Sôlôkhốp chỉ ngủ một mắt, một mắt phải thức để coi chừng đời. Còn đám văn sĩ tụi tôi, mấy chục năm hoạt động giữa đô thành như thế, ngủ không dám nhắm con mắt nào hết. Phải mở tròng tròng hai con mắt để cảnh giác bọn chìm, bọn nổi, bọn phản động, cơ hội... Mỗi tuần lễ, tôi phải đổi chỗ ở không dưới ba lần, có khi mỗi đêm phải thay chỗ ngủ hai lần. Động một cái là dọt. Dọt là dọt. Bất kể trên mái nhà có gì, phía bên kia tường có gì, dưới lòng đường xe cộ có đông không. Dọt là dọt, năm ăn năm thua... Gần giống như cảnh anh viết tiểu thuyết ngay giữa trọng điểm B52 cứ nửa tiếng lại nạo siết vô một dọt... Bây giờ, mỗi lần làm tuyển tập, làm phim, các anh than phiền tụi tôi không tích lũy, để dành được bản thảo, tác phẩm đã in của mình. Tôi hỏi anh: Trong hoàn cảnh như vậy, làm sao cất giữ? Ai dám cho mình gửi bản thảo chết người như “Chuông rung trên tháp

đồ" xỏ xiên Ngô Đình Diệm là con khỉ, làm trò khỉ ? Đang ở nhà này, đồ lễ gửi tạm ở đây, dùng một cái, dọt. Chủ nhà cũng dọt. Rồi ngồi tù. Chủ nhà phải ra trình diện, thẩm vấn. Ai ở nhà mà giữ mấy cái tác phẩm đã in, mấy tập bản thảo chưa in ? Riết rồi thành quen. Không nhớ được những tác phẩm mình đã viết, đã in. Lại phải thay đổi bút danh liên tục. Hàng chục bút danh. Bút danh của tiểu thuyết. Bút danh của truyện ngắn, phóng, ký sự, báo chí... Ra đường, mơ màng, bị bọn chìm quát cái bút danh chúng cần tìm, tự nhận, là chết. Cho nên, cũng không dám nhớ bút danh nguy hiểm của mình. Lý Văn Sâm. Bách Thảo Sương. Hai Lý. Lâm Văn Sí. Đủ thứ trò hề...

- Mấy chục năm ấy, anh sống bằng gì ? Tiền dâu mà sống, anh Hai ?

- Nhuận bút. Hoàn toàn sống bằng nhuận bút. Chủ nhà báo nuôi. Chủ nhà xuất bản nuôi. Mượn trước, in sách, in báo trừ nợ sau. Mà, cũng lạ. Thời ấy, nhuận bút khá lắm. Một năm, chỉ cần in một tập truyện ngắn là sống một năm.

- Sao có người bảo thời ấy, các anh chủ yếu sống được, viết được là nhờ Mạnh Thường Quân ?

- Cũng có. Có khi ra tù, lang thang hàng năm trời, không viết được. Không ai dám in. Lấy tiền dâu mà cơm dĩa, cà phê dĩa ? Ngủ thì khởi bàn: Đụng dâu ngủ đó. Vía hè. Gầm cầu. Thớt thịt. Mái tôn gác xép. Dưới gầm giường vợ chồng người ta... Lạ lắm anh. Gian nan vậy, mà ít được ai động viên, nhắc nhở như bây giờ, có Hội hè địa phương, Trung ương, có các loại giải

thường... Làm thế nào tồn tại được hả ? Vì nhiệm vụ được phân công. Rõ ràng là thế. Ngoài ra, được cái gì ? Mạnh Thường Quân ư ? Cũng có, nhưng ít lắm. Không phải như hồi thế kỷ trước của các nước phương Tây: Như ngôi nhà của Bá Tước Pêdukhốp, như mệnh phụ nuôi các nhạc sĩ thiên tài Traikovsky, Beethoven, thi sĩ thiên tài như La Fontaine, thậm chí, nghèo khổ mà “Mạnh Thường Quân” về con tim, tâm hồn như bà người yêu, sau là vợ của đại văn hào Dostoevsky. Ngoài việc cơm gạo tiền, hầu như toàn bộ kiệt tác của Dostoevsky đều do người yêu này chấp bút... Xét cho cùng, xưa nay, ít có nhà văn, thi sĩ nào tự sống được bằng nghề. Không hiểu lúc còn ngoài Bắc, các ông sống bằng gì ? Ai nuôi ?

Tôi giật mình nhìn ông chăm chăm khi xe đã gần đến bến đò Bình Ninh, nơi cần quay nhiều cảnh về cuộc đời, sự nghiệp của ông. Ông lặp lại câu hỏi trên. Tôi nói, mà không khẳng định lắm. Vì, bốn chục năm cầm bút của đời tôi gắn liền với nhiều công tác cách mạng, kháng chiến. Chín năm kháng chiến chống Pháp ở chiến khu Đ đây, là hoàn toàn không lương bổng, trợ cấp gì. Coi như tự sống cùng tập thể. Hai chục năm tập kết ra Bắc, cầm bút, cầm máy quay phim trong quân đội, thì hưởng lương. Nhà nước trả lương. Hưởng đồng lương ấy để hoạt động văn nghệ, sáng tác bốn, năm chục tiểu thuyết, vài chục bộ phim... trở lại phục vụ quân đội, phục vụ Nhà nước...

- Tóm lại, Nhà nước nuôi mấy ông. Đúng không?

Tôi gật gù.

Xe từ từ bò xuống bến đò Bình Ninh. Bình Ninh là tên cái ấp của Lý Văn Sâm ở, cùng một làng Bình Long, của hai chúng tôi. Nhà ông cách bến đò này vài trăm mét. Bến đò ngã ba Bình Ninh này nối liền quận lỵ Tân Uyên và trục lộ xuống chợ Biên Hòa, đi Sài Gòn.

Chúng tôi khênh ông trên xe lăn từ từ xuống tận mép nước sông Đồng Nai. Sóng con sông Đồng Nai thân quen vỗ chồm vào chân chiếc xe lăn. Tôi ngồi trên gốc cây cạnh ông. Hai chúng tôi nhìn sang bến đò bên kia sông, hiện rõ bến chợ Tân Uyên, dốc quận Tân Uyên, Nhà kiểm lâm, Nhà giấy thép, Trường học Tân Uyên, nơi cách đây bảy mươi năm, ông theo học đến lớp Supérieur, và sau đó mười năm, tôi lại tiếp tục sang đò đến trường, cũng học đến lớp Supérieur. Ngày ấy, dinh quận, quận lỵ Tân Uyên này nằm dưới bóng chòm cây dầu, cây sao cổ thụ, là cửa ngõ của sáu xã rừng đại ngàn về sau là chiến khu Đ oai hùng.

Trong ánh nắng tháng sáu yếu ớt, khi hừng khi xám đen, con dốc bến đò bên kia sông vẫn hừng sáng từ mép nước lên tận dinh quận. Con mắt người già như hai chúng tôi nhìn xa thấy rõ hơn nhìn gần.

- Nhà của nhà văn Bình Nguyên Lộc ở lưng chừng con dốc lên dinh quận, chỗ có cánh cửa màu xám đó, phải không anh ? - Tôi hỏi.

Anh nheo mắt, lọc ánh sáng, thì thầm:

- Đúng là nhà Bình Nguyên Lộc ở chỗ đó. Lúc tôi còn theo học lớp moyen 2è anné, anh Bình Nguyên

Lộc đã in nhiều tác phẩm nổi tiếng rồi. Khởi thủy anh cùng viết về đất Biên Hòa mình, viết về xứ rừng... Về sau, mới viết về đề tài thành thị, tiểu thị dân... Đối với tôi, anh Bình Nguyên Lộc là bậc đàn anh, là bậc thầy về văn chương. Anh tên thật là Tô Văn Tuấn.

Năm rồi, tôi và Đỗ Bá Nghiệp Giám đốc Bảo tàng Đồng Nai cùng nhà văn Nguyễn Hùng nhân dịp về chợ Tân Uyên khánh thành tượng đài Huỳnh Văn Nghệ, có xuống cái bến dò đó đó, tìm kiếm nhà của anh Bình Nguyên Lộc. Chẳng còn một ai biết nhà nào xưa là nhà của nhà văn nổi tiếng Bình Nguyên Lộc, tác giả của hàng nghìn truyện ngắn, hàng chục tiểu thuyết, có tiểu thuyết “Đò dọc” được dân thành thị biết nhiều. Tháng 6 năm 1975, tôi với anh có qua Sài Gòn tìm thăm anh Bình Nguyên Lộc, anh còn nhớ không? Lúc ấy, anh Bình Nguyên Lộc đang bệnh nằm liệt. Thấy anh và tôi tìm đến, mừng quá, anh rần ngồi dậy, chấp hai bàn tay móp méo vào nhau xá anh và tôi, gọi là “Tiên sinh”. Buồn quá...

- Tính của anh là vậy. Anh trân trọng người trong nghề lắm. Không phải vì tôi và anh là nhà văn cách mạng, là người của Đảng đâu. Vì, ở cái xứ quê, rừng của tụi mình, người ta không biết nhiều về cái nghề văn chương chữ nghĩa đâu. Đó cũng là cái thiệt của tụi mình. Anh có thấy thế không? Viết được, in ra, ít ra cũng có người trong gia đình đón đọc, mới động viên khi thất bại, khó khăn. Nhiều lúc, buồn nản lắm. Anh có bị thế không? Ủa, coi coi các chú ấy quay cảnh nào? Tụi mình cứ hoài cố miết, mất thì giờ của các chú ấy quá.

Cậu đạo diễn cười, bảo:

- Xin hai cụ cứ hoài cố đi, chúng cháu tự thu xếp để quay được theo ý muốn của kịch bản thôi mà. Hai cụ nhà văn cùng làng gặp nhau bên bờ con sông lịch sử, cũng là điều quan trọng, chúng cháu muốn được chứng kiến....

Thế rồi, sóng vô rì rầm mỗi khi có con tàu chở cát từ thượng nguồn chạy xuống ngã ba sông, một ngã ôm theo làng Bình Long ấp Võ Sa của thầy giáo Hoàng Minh Viễn (thầy giáo Năm Ngũ), một ngã rẽ qua bến chợ Tân Uyên ngang cù lao Mỹ Quới, quê của anh Huỳnh Văn Lũy, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, bị giặc giết chết tại cù lao quê nhà khi anh đang triển khai công tác đánh Mỹ tại bến nước nhà anh, năm 1955

- Cái ngã ba này, linh thiêng lắm. Bên này sông, có tôi và anh. Bên kia sông, có anh Bình Nguyên Lộc, xế bên trên một chút, kìa, chỗ cái dốc chùa đất đỏ đó, là nhà của anh Huỳnh Văn Nghệ. Bốn anh em thơ văn Đồng Nai mình đều uống nước dòng sông Đồng Nai này mà lớn lên, đều qua lại dòng sông này để theo học từ bé, lớn lên, lại qua lại dòng sông này để làm cách mạng, để sáng tác... - Nhìn đôi mắt nheo nheo của anh Lý Văn Sâm, tôi bỗng như thấy lại năm tháng hết sức hào hùng của ngã ba sông này. Kỷ niệm tuổi thơ của bốn anh em chúng tôi thì đầy ắp, mỗi người một chuỗi. Nhưng khi cầm bút, thì mỗi người một phong cách. Anh Huỳnh Văn Nghệ thì gần như chuyên thơ. Ấy là tiếng lòng của anh từ trước năm 1945, khi ở Xiêm, Sài gòn, cùng anh Chín Quì rút vào bí mật giữa

cánh rừng già đại ngàn kia. Anh Bình Nguyên Lộc thì dữ dội về truyện ngắn, tiểu thuyết. “Nhốt gió”, “Ba con Cáo”. Ghê rợn, u uất, đậm đà chất rừng núi miền Đông. “Đua thuyền”, “Đò dọc” (Giải thưởng cao của văn chương đô thị). Lý Văn Sâm thì man mác, u hoài, ngong ngóng chờ đợi một cuộc sống toàn bích, lý tưởng, tài hoa, ngậm ngùi hơi hướng của Sêkhốp... Còn tôi, do hoàn cảnh trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp, do yêu cầu viết để làm cách mạng nên chất hùng ca rải khắp tác phẩm, nhìn vào tác phẩm viết về Đồng Nai của người Đồng Nai, thì toàn bộ tác phẩm của tôi là “trực diện” là cầm súng chiến đấu, mặt đối mặt với kẻ thù cụ thể...

Tôi lấy khăn đắp nước bên sông Đồng Nai cho anh rửa mặt. Khi con đò từ từ tách bến, ngược xéo lên mũi nước dinh quận một chút, kéo còi tun tun, tôi bàng hoàng... Tôi nhớ sao cái ngày đón ông Táo năm 1945, tại đây, Pháp cho hai chiếc tàu đen nhà binh từ Biên Hòa ngược sông lên đây, bất ngờ tấn công quận lỵ Tân Uyên. Đạn mìn chệch nổ dòn dinh quận, khu chợ Tân Uyên. Đạo quân phục kích của anh Tám Nghệ, của dân quân, thanh niên tiền phong chỉ tầm vông vạt nhọn, dao, mác cả làng tôi, các làng chiến khu đánh nhau với chúng suốt ngày đưa ông Táo châu trời (Tôi có mô tả trận đánh lịch sử này trong tiểu thuyết “Nước mắt già biệt” của tôi.) Tôi nhớ mấy ngày đêm sau đó, lửa bốc cháy đỏ dòng sông Đồng Nai chỗ này, khắp chợ Tân Uyên, dinh quận, hai bên bờ sông lên tận làng tôi. Dòng sông cháy đỏ, quần quai như cây thép nung đỏ trong đêm đen. Lửa tiêu thổ kháng chiến, lửa do giặc

đốt phá, triệt hạ làng xóm. Vì quyết tiêu diệt đạo quân chân đất của nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ.

Đột nhiên ông quay lại câu đạo diễn, giọng nghẹn ngào:

- Ở chỗ ngã ba Bình Ninh này, mình còn có một kỷ niệm sâu sắc lắm. Các cậu muốn quay, ghi tiếng cũng được. Đó là đêm tháng mười hai năm 1956, khi mình cùng hơn năm trăm anh chị em tù bị giam giữ trong trại cải huấn Tân Hiệp tổ chức phá khám nổi dậy. Trời, can trường lắm... Vượt khỏi cổng trại, anh Dương Tử Giang đã anh dũng hy sinh. Chạy băng qua con Suối Máu, nhiều chị phụ nữ ngã sấp, quần áo bị dây kềm gai cào cấu, tuột phăng trở lại. Chị vợ nhà viết kịch Ngô Y Linh cũng bị dây kềm gai móc tuột quần dài. Hoảng quá. Sợ chẳng kém cái chết. Tôi và vài anh vội tuột bớt quần dài của mình, quẳng đến cho các chị. Thoát khỏi khu Phúc Hải, Nhà thương điên, gần hai trăm anh em chúng tôi bị lạc. Đói, hoang mang vì máy bay trực thăng quần sát trên đầu, kêu gọi, hù dọa, súng nổ bốn chung quanh... Chúng tôi cứ bám vào nhau luồn qua các sở cao su, các cánh rừng chồi, nhắm hướng chiến khu Đ này mà lủi... Gần ba giờ sáng, trời ơ, cả đoàn đã tới được chỗ này nè. Sát bờ con sông này nè. Thế nhưng, dưới sông, bên kia bờ sông, đầy tàu giặc. Các loại tàu giặc chạy xuôi ngược như điên. Trên đầu là hàng bảy trực thăng. Chúng rà thấp, rọi đèn rõ từng đám lục bình. Thôi, đành quay trở lại nơi xuất phát, tìm về Bình Đa, Tân Phong, qua Long Thành... Cay đắng không? Đã tới chỗ này rồi, một con sông là "cọc về rừng". Vậy mà. Tức đến trào nước mắt trong

đêm. Đêm ấy, tôi là người vùng này, được anh em tù tìn nhiệm coi như thổ công. Mới đầu, tôi cũng tự hào. Sau khi tới đây, rồi quay trở lui, tôi thậm trách con sông Đồng Nai của tôi: “Tao có làm gì không phải với mày đâu, mà đêm nay mày để chúng nó bao vây tao ngặt nghèo vậy ? Mày không thương tao.” Đấy, cái kỷ niệm về con sông của tôi với ông Chín Bốn, ông Tám Nghệ, ông Bình Nguyên Lộc... mà tôi muốn kể hôm nay, là vậy đó. Các chú có muốn đưa vô bộ phim chân dung về đời tôi cũng được, không đưa cũng được, không sao. Miễn hôm nay, tôi nói ra được với con sông của tôi là thoải mái rồi.

Tự nhiên, ông lau hai dòng nước mắt rõ nhẹ xuống dòng sông ọc ạch vỗ bờ.

Đợi ông tỉnh táo lại, tôi thì thầm:

- Con sông của tụi mình đã đau khổ nhiều lắm rồi. Hàng nghìn năm qua, nó đã chứng kiến nhiều bất công, đau thương, cả anh hùng của xứ mình. Cái đạo Nam Kỳ bốn mươi thất bại bị chìm trong biển máu, nó đã khóc cạn nước, ôm choàng lấy hàng trăm người Đồng Nai xứ mình bị chúng xô xâu hai bàn tay vào nhau, quẳng xuống dòng sông này. Mùa tháng giêng, mà con sông trào đỏ như mùa tháng Bảy. Các đồng chí đảng viên ở các xã Mỹ Lộc của anh Tám Nghệ đều tan tác. Kẻ bị chúng giết. Người bị dồn vào rừng già như anh Chín Quì, ông Liêng...

Nhà văn già lắc lắc mái tóc bạc, giọng nhỏ rí:

- Lúc nào đó, tôi với anh phải nghĩ ra cách gì

LƯỢM CÁI HOA RƠI

đó nói lên tâm sự của con sông Đồng Nai của tụi mình. Cuộc đời của con sông này, cũng gian nan lắm...

Tôi nhìn ông, ngẩng nhìn dòng sông lúc ấy có vài chiếc tàu xúc cát từ phía quê tôi tức phía Trị An âm âm chạy về, rúc còi inh ỏi. Phía bên kia chợ Tân Uyên, bờ sông dựng vách đứng, ánh trắng, điểm vài mảng màu đỏ đất bazan. Giữa các khoảng trống cây cối, vườn tược, tôi nhìn rõ, hồi nhớ nhiều kỷ niệm về nơi đó: Kìa, mút cái dốc bến bên kia sông, nơi có ngôi nhà của nhà văn Bình Nguyên Lộc, là ngôi trường quận chúng tôi tôi theo học từ lớp nhì một năm, lớp nhì hai năm, lớp Nhất (Supérieur). Đó là vào những năm 1942 - 1943, quân phát xít Nhật tràn vào Đông Dương, chuẩn bị đảo chánh Pháp. Hàng ngày, ngồi trong lớp học nhìn ra, chúng tôi thấy bọn lính Nhật ngồi xe đạp, nghêu ngهن từ dinh quận xuống chợ, từ Nhà bưu điện vô sân banh Tân Lợi.

Tôi nhớ các thầy giáo lớp Nhất, như thầy Dợt, còn rất thanh niên. Vì thầy mới tốt nghiệp trường sư phạm, cứ nhìn bọn Nhật lệt bệt súng, gươm, là nhỏ nước bọt qua cửa sổ. Có khi, cũng vì bọn chúng mà chúng tôi bị đòn oan. Tôi nhớ ông Đốc Ngoạn miệng rộng, kính lão trệ mũi, giọng ồm ồm, dáng đi lệt bệt... Tôi nhớ thầy Đáng dạy lớp nhì một năm (moyen lè année), mắt hiêng hiêng, mặt nghiêng nghiêng. Vào mùa mía, cha tôi thường chặt mía cây bó thành bó bắt tôi phải vác xuống tặng thầy Đáng, thầy Dợt, ông Đốc Ngoạn ăn lấy thảo. Đường xa. Mía nặng. Đò giang. Lại phải ông già chèo đò Hai Thô dừng đình, than thở kinh niên của tuổi già, mỗi nhịp chèo lại đưa cái chân

ra mặt nước sông theo thói quen. Vậy mà tôi phải vác nhiều bó mía như thế, lòng rất vui vì làm vui lòng cha, vui lòng các thầy... Những năm theo học từ lớp nhì đến lớp nhất, có nhiều bạn đến khi tham gia kháng chiến vẫn còn gặp nhau, còn công tác chung nhau như Thanh Hậu, một trong bốn cô gái họ Thanh trong Ban giáo dục, Văn hóa xã hội huyện Tân Uyên. Như Lê Huyền, phó bí thư huyện ủy Tân Uyên, hy sinh trong trận đánh bót Mỹ Quới. Như Hà Tư, lúc đang học chung tên là Sinh, đến năm 1949 - 1950, là Trưởng ban thông tin huyện Tân Uyên, sau 1954 là Bí thư huyện ủy, , làm phản bị ta xử tội tại Dốc Sỏi, như Lý Quới, đại đội trưởng trong tiểu đoàn chủ lực 303, đánh giặc gan lì, vui tính, đá banh cũng giỏi...

Trong các thầy giáo dạy chúng tôi ngày ấy, tham gia kháng chiến có thầy Ngói, cán bộ tu thư ở Ty Giáo dục của anh Hoàng Minh Viễn, sau 1975, sang Mỹ hay Canada gì đó theo gia đình, giờ đã trở về vì nhớ quê, nhớ con sông, ngọn cỏ quê nhà... Sau năm 1975, tôi gặp lại thầy Dợt tại thành phố Biên Hòa. Thầy trò vẫn nhận ra ngay sau hơn ba mươi năm trời xa cách. Thầy đã già, rất gầy vì bị bệnh. Thầy bảo có đọc vài cuốn tiểu thuyết của tôi, nhận ra ngay Hoàng Văn Bổn chính là tôi, là Huỳnh Văn Bản, học sinh ngày xưa của thầy ở trường Tân Uyên... Nay, thầy đã qua đời, tôi chỉ được dịp đền ơn thầy hai năm thăm hỏi, ít quà, trà, thuốc, chủ yếu là tấm lòng.

Tôi đang lan man thế, ông Lý Văn Sâm bảo:

- Khiêng dùm cái xe lăn lên trên một chút. Nước lớn, bìm bịp kêu kia.

- Rước vua Càn Long về cung. - Cậu đạo diễn bắt chước tôi, xướng to khiến ông Lý Văn Sâm bật cười, suýt văng hàm răng giả xuống sông. May mà ông còn đưa tay chụp lại kịp, úp lệ vào miệng, trộn trạo một lúc, mới dàu vào đấy:

- Tuổi già thế đấy, Bốn. Nhiều thứ phiền phức lắm. Anh có biết vì sao anh Bảy Giàu kiên quyết xin nghỉ hưu sớm khi đang được tín nhiệm Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy không ? Chỉ vì làm Trưởng Ban Tuyên giáo thì phải giảng bài, phải lên lớp... Mà, hàm răng giả cứ lâu lâu lại văng ra bàn trong tiếng cười ầm ĩ, khùng khục của người nghe. Tức và buồn tình, anh ấy xin nghỉ hưu. Lấy lại tỉnh táo, vui vui, anh kể thêm chuyện hồi còn nằm khoèo trong nhà giam Tân Hiệp, Biên Hòa. Có một thằng ác ôn cũng răng giả hàm trên. "Mỗi lần tra tấn tụi tôi, nó hét tướng lên, hàm răng giả bật văng vào tường. Nó bắt tôi bò tìm hàm răng giả của nó. Lúc đó, tôi đâu có kiếng lão, có thấy gì đâu, cứ hai tay mò tìm khắp nơi - Đụng cái gì cũng cứng cứng, giống hàm răng, tôi bò lại đưa cho nó. Nó cũng không đeo kiếng lão, sợ bị bể khi tra khảo chúng tôi. Nó nhét vô túi quần, tiếp tục tra đánh chúng tôi cho hả cơn giận... Hôm sau, mới bảnh mắt, nó xộc vô buồng giam, chìa hàm răng giả tôi lượm hôm qua sát mặt tôi, thét lạc giọng "Mày, tại sao hôm qua mày dám lượm hàm răng chó cho tao, hả cái thằng Việt cộng già kia?". Hóa ra, đúng là hôm qua, tôi đã lượm nhầm cục xương gì đó, tưởng là răng.

Cậu đạo diễn hỏi thêm:

- Tụi nó có biết chú là nhà văn tiền chiến Lý Văn Sâm không?

- Chắc là biết. Hồ sơ hoàn tất ở Catina Sài Gòn mà. Động tới là nó chửi toáng lên: “Thằng nhà báo cộng sản...” Một cái Tết năm ấy. Chúng bắt tôi với anh Dương Tử Giang bỏ lên xe, bắt anh Dương Tử Giang mang râu, đội mũ, bôi mặt đúng là làm tuồng. Tôi thì phải đánh chiêng, phèng la quảng cáo. Xe chạy khắp ngõ ngách thành phố Biên Hòa, tiếng loa kêu đồng bào ra coi hai thằng nhà văn, nhà báo cỡ bự Việt cộng mần tuồng... Nổi khùng, anh Dương Tử Giang khoa chân múa tay, vuốt râu, trụ bộ, đá chân, xỉ tay giữa mặt tôi (coi như tương phản trong tuồng đang hát), thét điệu tẩu mã thảm thiết, có câu: “Đá thất thế bị hủ lô dè nhẹp. Còn ngọn cỏ sa cơ bị lục lộ xớn đầu...”. Đồng bào đứng chật hai bên phố, im lặng, rồi bất thần rộ lên vỗ tay hoan hô hai câu tẩu mã của Dương Tử Giang, có cơ để quảng lên xe cho hai chúng tôi nhiều bánh tét, kẹo, thuốc lá để chúng tôi ăn tết. Chúng nổi khùng, vung báng súng, ma trác đập lên đầu hai chúng tôi đến ngã quy trong tiếng hô phản đối của đồng bào...

- Nghe nói trong nhà tù, chú có làm bài thơ “Kéng và dùi” bích báo nhà tù hả chú? Chú còn thuộc không, đọc lại cháu ghi tiếng, cả diễn xuất lúc ấy của chú nhé? Chuẩn bị máy. Chú Bổn cứ ngồi sát mép nước. Thế, thế.

Nhà văn già khe khẽ đọc lại bài thơ trong tù “Kéng và dùi”, mặt buồn hiu. Có thể ông nhớ lại những

ngày hết sức cay đắng, túi nhục trong tù cùng nhà văn nhà báo Dương Tử Giang, nay không còn nữa. Ông nhớ nhiều anh em đồng chí lắm: Anh Bảy Tâm, lúc ấy là bí thư Đảng ủy nhà tù, người chủ trì tổ chức cuộc phá khám nổi dậy vượt ngục lịch sử năm ấy, gây tiếng vang rất lớn trong miền Nam lúc bấy giờ. Cuộc vượt ngục thành công ấy đã giải thoát hàng trăm chiến sĩ trung kiên về với cách mạng đang hồi đen tối, nhóm lại ngọn lửa đang gặp gió. Nhớ anh Hai Thông, về sau là Bí thư U₁, là Phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đồng Nai. Anh Năm Lực, sau là Giám đốc Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai...

- Năm ngoái, nhờ một em bé nhặt bịch nylon mà Biên Hòa Đồng Nai ta đã trả được cái ơn to lớn: Tìm được gần ba trăm hài cốt anh em chiến sĩ, đồng bào chí cốt bị chúng sát hại, vùi chung một hố gần khu trại giam Tân Hiệp ấy... - Nhà văn Lý Văn Sâm đưa hai bàn tay lấm dất, nói tiếp - Hôm trước, anh Phan Lạc Tuyên, Tiến sĩ sử học, lúc tui tui vượt ngục, chạy trốn khắp Biên Hòa, là đại úy ngục. Anh Tuyên có kể lại: Lúc ấy, anh bị điều động cấp tốc dẫn đại đội đi truy lùng đoàn tù Việt cộng Tân Hiệp. Khi dẫn đại đội bao vây một sở cao su gần Tân Phong, anh nhìn thấy mấy bàn tay của anh em ló ra từ hố rác. Anh lật đật tém lá vàng phủ kín mấy cánh tay, thấy cánh tay rút vô rất nhanh. Nghĩa là trong rừng cao su còn đông lắm, chắc chắn trong đó có ông nhà văn Lý Văn Sâm - Anh tiến sĩ Tuyên quả quyết vậy. Sau đó, hoạt động của anh bị lộ sau cuộc đảo chính Diệm. Anh dọt sang Campuchia, lộn về rừng miền Nam, được cử ra Hà Nội làm tham tán

đại sứ Cộng hòa miền Nam tại Hà Nội, Đại sứ là anh Nguyễn Văn Kinh. Rồi anh được cử đi nghiên cứu sinh sử học tại Tiệp Khắc, lấy bằng Phó tiến sĩ. Hiện nay, anh đang điền dã tình hình văn học dân gian tại Tà Lài, Tân Phú.

Hình như kể được chuyện ấy ra, nhà văn Lý Văn Sâm rất hài lòng. Bởi vì, như ông nói, đời ông mang ơn nhiều người lắm. Tưởng thôi, ông lại nhớ, lại nói thêm:

- Mấy tháng nay, mình lại mang thêm cái ơn rất lớn với ông chủ Nhà Xuất bản trước năm 1975, nơi tôi gửi bản thảo tiểu thuyết “Nàng TchoPhay của tôi” dạo năm 1954. Sau đó, tôi bị truy tìm, bắt bớ, Nhà Xuất bản cũng phải đóng cửa... Thế mà đến năm rồi, tức hơn bốn chục năm trôi qua, tôi quên lãng tiểu thuyết ấy, bỗng người con của ông chủ Nhà xuất bản tìm đến trao trả tiểu thuyết ấy cho tôi... Các cháu thấy có lạ không? Đây, là bản thảo của tiểu thuyết này đây. Nhà Xuất bản Đồng Nai vừa in xong nhân chú lên tuổi 80. - Ông trân trọng đưa ra khoe tiểu thuyết còn thơm mùi mực in: “Nàng TchoPhay của tôi” gồm ba chuyện vừa: *Nước lên. Vợ tôi - người dân tộc thiểu số, và Một chuyện oan cừu.*

Ngồi sát mép nước, bóng ông cầm quyển sách in lồng dưới sông, như ông đang khoe tác phẩm của mình cùng con sông quê hương có lần ông đã thăm giận hờn, trách móc nó. Máy quay phim chúng tôi cũng kịp thời quay chớp được cảnh ấy, khi hai bàn tay ông run rẩy, vài trang sách bị gió lật sang.

DỰNG CHÍNH

Năm 1943, thi rớt vào trường trung học Pétrus Ký ở Sài Gòn, tôi tìm vào học trường tư thục Panssionat Huỳnh Khương Ninh, ở đường Dariès-Đakao. Đang học năm thứ nhất thì quân Đồng Minh ném bom phát xít Nhật ở Sài Gòn. Sau hai trận bom khá dữ dội ở gần Sở thú, Sài Gòn, trường Huỳnh Khương Ninh tạm đóng cửa, tôi chạy về Biên Hòa. Những năm theo học ở Sài Gòn, tôi ở trọ nhà dưỡng Chính Tròn, làm ở sở Giây thép gió Sài Gòn. Dưỡng là người cùng làng với tôi, tại bến miếu Long Chánh, nơi có chú Từ Khiêm vui tính làm Từ coi giữ miếu nhiều năm.

Dưỡng Chính Tròn là người vui tính, hoạt bát, là công chức cấp thấp. Hàng tháng, dưỡng đạp xe đạp từ Sài Gòn về thăm gia đình bên bờ con sông Đồng Nai quê tôi. Nhà dưỡng lại ở sát nhà ông già Hai Thô chèo đò.

Nhiều lần, tôi được đạp xe đạp theo dưỡng từ Sài Gòn về thăm nhà một ngày, rồi thứ hai lại theo dưỡng đạp xe đạp qua Sài Gòn. Một quãng đường hơn năm chục cây số chứ ít đâu. Thế mà hai dưỡng cháu

vừa trò chuyện vừa đạp xe dưới ánh trăng, men theo đường quốc lộ số I, xuống Biên Hòa, qua dốc Châu Thới, dốc Chú Hỏa, lên dốc Xuân Trường. Đạp xe tới đâu, dựng tranh thủ kể lai lịch vùng đất ấy cho tôi nghe cũng là để quên cái mệt nhọc dọc đường. Đạp lên đỉnh dốc Chú Hỏa, dựng thở mệt nhọc, vẫn vừa đạp, vừa bảo: “Đây là dốc Chú Hỏa. Chú Hỏa là người Tàu Chợ Lớn, giàu nứt đổ đổ vách, có cả một dinh thự đồ sộ dưới Long Hải cho cô con gái bị bệnh cùi ở. Người ta chôn Chú Hỏa ở đây, nên kêu là dốc Chú Hỏa”. Năm 1944, Sài gòn bị bom. Tôi về Biên Hòa.

Tôi theo học Cua Norman trường Nguyễn Du ngày nay tại thành phố Biên Hòa, gần Tòa bố tỉnh, sát con sông Đồng Nai. Đoạn này của con sông Đồng Nai uốn cong để dể ra Cù Lao Phố sau khi dể ra cù lao Thanh Hội, cù lao Rùa, trông như cái hồ, nên người Pháp lúc ấy đặt cho khúc sông này là hồ BienHoa (Lac de Bienhoa). Đúng là một đoạn sông đẹp, nên thơ. Những ngày theo học ở đây, tôi ở trọ gia đình chú Sáu Quít, lính “civil local” Biên Hòa. Lính đóng trong thành cạnh chợ Biên Hòa lúc ấy. Chú Sáu Quít là người trong gia đình thợ côi cùng ấp Long Chánh làng tôi, cùng cạnh miếu của chú Từ Khiêm vui tính.

Khi quân Đồng Minh lại ném bom ô ạt sân bay Biên Hòa, trường Tiểu học Biên Hòa nơi tôi học lại tạm thời đóng cửa, học sinh, thầy trò chạy toán loạn. Tôi chỉ kịp chào từ biệt ông đốc Vĩnh có bộ râu ngạnh trê, thường mặc áo dài, đi dày bata trắng, quần lục soạn trắng, chào từ biệt thầy Miên, thầy Ngũ monitor

trào toàn quyền Đucuroy, thanh niên tiên phong, cô giáo Hằng.

Cách mạng Tháng Tám bùng nổ. Về làng, tôi tham gia biểu tình cướp chính quyền xã, quận Tân Uyên, làm chủ tịch Thiếu nhi xã, làm Thư ký Việt Minh làng do ông Lại Phi Hùng làm Thư ký (thủ lĩnh). Rồi tôi lại được giao làm thư ký Ủy ban hành chính xã Bình Long, do dưỡng Chín Tròn làm ủy viên trực, trụ sở đóng tại dốc Chùa gần nhà nhà văn tiền chiến Lý Văn Sâm.

Sáng sáng, tôi ôm chiếc cặp táp bằng sợi bàng đựng tài liệu cách mạng băng qua cánh đồng ấp Bình Ninh, đến cầu Bà Bướm, leo dốc Chùa thuở nhỏ chúng tôi rất sợ ma, không một lần dám tự tiện vào chùa.

Theo sự hướng dẫn của thầy Thông “Giấy thép gió” trào Tây là dưỡng Chín tôi, tôi làm sổ sách, giấy tờ. Lần đầu tiên, dưỡng Chín hướng dẫn tôi ghi tiêu đề trên đầu mỗi giấy công văn: Việt Nam dân chủ cộng hòa. Độc lập Tự do Hạnh phúc. Tôi cũng chưa hiểu hết ý nghĩa các cụm danh từ ấy. Dưỡng Chín lại giảng giải, nhưng giảng nghĩa bằng tiếng Pháp. Tốt nghiệp Thành chung trước khi được bổ làm thông phán Sở giấy thép gió Sài Gòn, dưỡng rất giỏi tiếng Pháp. Trong câu chuyện hàng ngày với cha, mẹ, gia đình tôi hay bà con trong xóm ấp, dưỡng cũng dễ bật ra vài từ, vài câu đệm bằng tiếng Tây theo thói quen làm việc ở Sở giấy thép gió (Télégraf sans fil). Có lần, dưỡng suýt khổ vì cái tật bật tiếng Tây ấy: Thuở ấy, dưỡng thường mặc quần áo đi làm ở Sài Gòn bằng vải còn đường biên dẹt ba màu

xanh, trắng, đỏ (màu cờ tam tài của Pháp) dân quân làng cạnh xét hỏi, tìm thấy gấu quần, ông tay áo của dượng còn để ba đường xanh, trắng, đỏ, dượng lại dổp chát lại họ bằng tiếng Tây. Thế là gián điệp cho Pháp thực dân trăm phần trăm rồi! Bị trói bằng dây mũi trâu, dẫn lòng vòng ngoài cánh đồng. May sao, dân làng tôi trông thấy chạy về báo. Thế là được cứu thoát. Dượng sợ tái mặt, bảo tôi: "Thôi nghe mậy Bốn. Làm việc, nhớ bận quần áo dân làm ruộng xứ mình, có chết cũng đừng để xổ ra tiếng Tây. Bị cho mò tôm có ngày (mò tôm: hình thức bỏ trong bao bố, liệng xuống sông Đồng Nai).

Sau khi Pháp tấn công, triệt hạ làng Bình Long của tôi để bao vây chiến khu Đ bên kia sông, hòng tiêu diệt nốt căn cứ chiến khu Đ của anh Tám Huỳnh Văn Nghệ là lực lượng vũ trang của quân khu Bảy, đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, nhà tôi, nhà dượng, miếu Long Chánh, nhà văn Lý Văn Sâm ở ấp Bình Ninh, cầu Bà Bướm, xóm Chùa... đều biến thành đồng tro tàn. Các anh trai của tôi đều bị Pháp bắt giam tại bót Cây Đào. Anh trai thứ năm của tôi bị Pháp tra tấn hết sức ác độc và dẫn về cất cổ tại đầu làng tôi. Cả làng tôi biến thành vành đai trắng, nghĩa là vùng giặc tự do bắn giết, đốt phá. Tôi lúc ấy đã vào rừng chiến khu Đ. Làm việc ở Ban giáo dục, Ban đời sống mới của huyện Tân Uyên. Nghĩ cũng buồn cười, tôi lại làm việc chung với dượng Chín Tròn. Lúc ấy, có trình độ văn hóa, dượng được phụ trách ủy viên xã hội huyện. Trong Ban xã hội huyện lúc bấy giờ, có các cô gái họ Thanh là Thanh Tao, Thanh Hòa, Thanh Huyền, Thanh Hậu... (Ngày

nay, còn lại có Thanh Hậu, Thanh Tao). Cuộc sống kháng chiến ở chiến khu Đ lúc ấy phải nói là gian khổ, ác liệt. Nhất là cái đói, bệnh sốt rét. Trưởng ban xã hội huyện lúc ấy là anh Bảy Mân, người cùng làng với tôi... Cho đến bây giờ, tôi không sao nhớ được chín năm trời kháng chiến chống Pháp gian khổ thế, chúng tôi lấy quần áo đâu để mặc, thức ăn chính là gì?

Tôi chỉ nhớ mang máng là quần áo chỉ gặp ai xin nấy. Người có hai bộ do bà con ngoài thành gửi cho, nhường lại cho người rách. Riêng tôi, thỉnh thoảng tôi cũng nhận được một bộ bà ba đen do chị Sáu tôi ngoài chợ Biên Hòa gửi vô cho. Dượng Chín Tròn cũng kiểu sống thế đấy. Có gì ăn nấy. Có gì mặc nấy. Thỉnh thoảng, dượng cũng được dì Chín tôi ngoài chợ Biên Hòa gửi vô cho một bộ quần áo bà ba đen, vài chục viên kí ninh vàng, vài chục ống kinô xanh chống bệnh sốt rét rừng. Lúc ấy, dượng đã có tuổi, nhưng da vẫn hồng hào, vẫn hoạt bát, đi đứng nhanh nhẹn. Công việc kiếm cơm, gạo, thức ăn... do cánh trẻ chúng tôi lo. Dượng chỉ lo “lãnh đạo”, lo công tác chống giặc đốt, giặc đói, giặc ngoại xâm”. Đêm giông bão, mưa gió, giữa rừng già, cánh trẻ chúng tôi nằm sát bên nhau, lưng lót vài cành cây rừng, mặc cho sương đêm, mưa gió. Còn dượng và những người già khác như các thầy giáo ở Biên Hòa, Sài Gòn mới vào theo lời kêu gọi của kháng chiến, chắc khó khăn lắm. Tuổi trẻ dù thế nào, rồi cũng qua được thôi. Lên cơn sốt rét thì trùm lá cây, trùm bao bố rách. Hết lên cơn, lại xách rựa, dao chém cây dẫn gỗ phát rẫy trồng lúa, trèo cây hái trái guôi, cơm nguội, trái cây chín, hái các loại lá rừng như lành

nganh, lá bứa, trâm lang, trồng khoai sắn độn cơm. Một hột cơm phải công hàng trăm cọng khoai mì. Trái gió trở trời, ngày Tết, giỗ, hội hè theo phong tục ngàn xưa, càng bùi ngùi. Bây giờ, đã bảy mươi tuổi, nghĩ lại mới thấy thương, nhớ những người già đi kháng chiến thời ấy quá đi. Thế mà lúc ấy, tôi mới mười tám, mười chín, đã là Trưởng ban giáo dục huyện, hiệu trưởng trường tiểu học trong rừng, bí thư chi bộ... Dưới tôi có rất nhiều người già là thầy giáo, cán bộ... Tôi rất khó chịu khi phát hiện ra các ông già ấy lén nấu riêng nồi đất ăn cơm muối quệt, đêm trăng, khó chịu khi bắt gặp các cụ ấy, ngồi bó gối, im lặng ngoài bìa rừng...

Tôi còn nhớ một lần, bên bờ suối Sâu gần quán hủ tiếu của ông Ba Trợn giữa rừng, ai đó cho Dượng Chín chục trứng gà luộc sẵn và một dùm muối tiêu cay. Dượng gọi chúng tôi quây quần lại, cho mỗi đứa một quả trứng gà. Tuổi trẻ mà, chúng tôi lại giành nhau, cười nói ào ào, làm rơi bể mấy quả. Chẳng ngờ, dượng tiếc trứng, quát tháo chúng tôi như tát nước, kể cả các cô gái họ Thanh xinh đẹp mà hàng ngày dượng rất thương, quý. Các cô gái họ Thanh âm thầm lau nước mắt.

Quả thực là lúc ấy, có được một quả trứng gà đâu có dễ. Mắm ruốc ăn hàng ngày là phải gửi mua từ ngoài chợ Biên Hòa. Lúc giặc bao vây gắt gao quá, con buôn còn nhẫn tâm trộn bùn non và sạn vào mắm ruốc bán cho chúng tôi. Biết vậy, nhưng đâu dám nói. Họ không mua giúp, ăn rau rừng, trái guôi... với gì? Những lúc giặc mở chiến dịch đánh phá, bao vây chiến khu Đ, trâu bò trong chiến khu bị bom đạn giết chết la liệt

khắp bìa rừng. Đêm, chúng tôi lên cầm dao mò ra xẻ thịt trâu chết, luộc, kho với lá sả, mắm ruốc... ăn dần. Dượng Chín và các ông già răng lung lay, rụng mất nhiều, làm sao gặm được các thứ đó? Bị đau bụng, ôm quần chạy ra rừng thâu đêm, mất trộm lơ. Đêm đêm, lúc hành quân, chạy giặc xuyên rừng, qua lộ, dượng Chín và mấy ông già té ngã suốt, bị kiến bù nhọt chích, mỗi càng quặp khắp người, trông tội quá... Nhưng khi có lệnh trên cho phép các người đau ốm được tạm về thành dưỡng bệnh, sinh sống, tìm cách ủng hộ kháng chiến bằng mọi khả năng, thì dượng Chín tôi và các thầy già già như Sáu Tửu, Lệ Tâm, ông già thầy thuốc Bắc chuyên nấu cao khỉ cho cán bộ cơ quan huyện, tỉnh,...nhất quyết ở lại: “Không về thành. Các chú bám được chiến khu, chúng tôi sống được. Về thành, sống chung với giặc, không chịu được đâu.”. Thế đấy.

Cơ quan huyện ủy, ủy ban kháng chiến hành chánh huyện Tân Uyên tìm cách móc dì Chín tôi và hai đứa con của dượng từ Biên Hòa vào sống ở rừng chiến khu, nuôi dưỡng dượng, chủ yếu là tình cảm. Từ đó, khi ở giữa rừng già Bà Đã, Mã Đà, Đất Cuốc, khi chạy xuống chiến khu ông Đông, Bình Chánh, nơi tôi mở trường tiểu học kháng chiến, dì dượng và hai đứa con sống cạnh chúng tôi, cũng bán vài thứ mua ngoài thành như mắm muối, kim chỉ, thỉnh thoảng cũng vớ được vài loại thuốc sốt rét, thuốc bổ. Chủ yếu là dì và các cháu làm ruộng, làm rẫy cùng cơ quan giáo dục chúng tôi. Lúc ấy, dượng được cử làm ủy viên ủy ban kháng chiến hành chánh quận Tân Uyên, lấy tên là

Lê Công Hoàn. Hỏi sao lại là Hoàn ? Dượng cười, tên khai sinh là Tròn. Giờ Hoàn cũng là Tròn thôi.

Sau trận bão lụt năm 1952, dượng Chín và gia đình được phép trở ra thành sống tạm. Vì sau trận bão lụt ấy, toàn bộ chiến khu Đ biến thành vùng chết. Chỉ có bùn thối, cây cối xác xơ. Chúng tôi phải ăn cả rễ cây, và khoai mì thối.

Tôi được điều vào bộ đội, xung vào tiểu đoàn 303 chủ lực miền hành quân xuống rừng U Minh. Rồi hiệp định Giơneo năm 1954 được ký kết. Tôi lại xuống tàu tập kết ra Bắc, làm lính thông tin, về xưởng phim quân đội, đến sau hòa bình 1975, mới được trở về quê. Ngạc nhiên trong đám giỗ cha tôi tại ấp chiến lược Bình Long - Tân Phú, tôi lại được gặp lại dượng Chín năm xưa. Lúc ấy, dượng đã già, đầu lác lư, tay run rẩy kiểu bệnh Parkinson thời nay. Tôi ngạc nhiên và quá vui mừng chạy ào đến chào dượng. Chẳng ngờ, với thái độ lạnh nhạt, dượng đưa đôi mắt đục lờ nhìn tôi. Thế rồi nước mắt rưng rưng, tràn ngập những vết nhăn khắp mặt dượng. Đau lòng và quá hụt hẫng, tôi lần hỏi các anh tôi, mới biết : từ khi được lệnh tạm về thành sau năm 1952, dượng cho thằng cháu trai học hết trung học, làm y sĩ. Còn dượng, dượng được truy lãnh tiền "Rappen" của mấy chục năm làm công chức Nhà giấy thép gió thời Pháp. Cuộc sống lại khá, dễ thở. Tính tình dượng cũng theo đấy mà phui pha cùng năm tháng nằm rừng, ngủ bụi, tham gia kháng chiến thời chín năm...

Mấy ngày còn ở lại nhà, tôi tìm mọi cách nối

lại ký ức ngày xưa cùng dưỡng, anh Bảy Mân, anh Tám Mân, vẫn không ăn thua. Họ vẫn bị ám ảnh bởi “kẻ chiến thắng, người chiến bại”.

Có lẽ còn một lý do nữa, theo anh Bảy tôi kể lại : Thằng con trai của dưỡng, có thời làm việc với chánh quyền Sài Gòn, dù làm chuyên môn ngành y, cũng phải đi cải tạo sau giải phóng, mãi vẫn chưa được về. Nghĩ về thân phận mình, nhớ con, lại bị mặc cảm với anh em kháng chiến trọn vẹn ba mươi năm...

Rồi tôi phải cấp tốc ra đảo Phú Quốc, làm phim về PônPốt ở biên giới Tây nam Tổ quốc mất hàng năm trời. Đến khi được phép về thăm quê, mẹ già và chị em, mới biết dưỡng Chín đã qua đời. Năm ấy, dưỡng cũng đã lớn tuổi rồi. Vài năm sau, dì Chín tôi cũng qua đời vì tuổi già. Má tôi thứ Sáu, dì thứ Chín. Người chị thứ Năm, tôi gọi là dì Năm đã bị giặc Pháp tấn công thiêu đốt làng năm 1946, dì Năm bị chúng thiêu sống trong nhà, chỉ bởi tìm được có chiếc sọ. Má tôi, dì Chín, cậu, mợ Tám khóc hết nước mắt. Cậu Tám vượt sông Đồng Nai qua chiến khu Đ sinh sống, tham gia kháng chiến. Một hôm đánh xe bò ở bìa rừng dốc Tống Ngãi, bị máy bay Pháp sà xuống bắn chết cùng đôi bò vốn liếng duy nhất của cậu. Người chị thứ Bảy tôi gọi là dì Bảy, làm vợ kế dưỡng Bảy ở Cây Đào, chạy loạn xuống xóm Lò Heo lánh nạn, nơi má tôi, chị Sáu tôi và em gái út tôi tản cư xuống ở cùng, làm bún bán dạo sinh sống qua ngày đoạn tháng... Năm 1979, tôi và vợ con tôi từ Hà Nội về ở tại đây, ngay con phố nơi má tôi, dì Bảy tôi, chị Sáu tôi, em út tôi tản cư nhiều năm tháng trong chiến tranh. Con phố lao động này mang

tên Huỳnh Văn Lũy, nguyên là Bí thư tỉnh ủy Biên Hòa thời kháng chiến, tôi được làm việc chung với anh trong chiến khu Đ. Trong thời đánh Mỹ, anh trụ lại bên ven sông Đồng Nai lãnh đạo cách mạng, bị giặc phát hiện, anh hy sinh vô cùng anh dũng...

NHÀ THƠ CHIẾN SĨ

Vào dịp tết âm lịch năm 1990, tôi được cùng đoàn nhà báo, văn nghệ Đồng Nai về lại chiến khu Đ viếng mộ nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ - mà đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Biên Hòa - Đồng Nai gọi anh là tướng quân.

Lần thứ nhất, đoàn chúng tôi đi tàu dò, ngược theo sông Đồng Nai lên về thượng nguồn, hướng Trị An, Mã Đà “sơn cước anh hùng tận”.

Ba mươi năm xa cách kể từ năm 1953, nay tôi mới được mặc sức nhìn ngắm con sông thân yêu của quê tôi - Con sông đã theo tôi suốt ba chục năm xa cách ngàn trùng, đã vào các tác phẩm của tôi bất kỳ viết về đề tài nào, về vùng đất nào của đất nước.

Con tàu kéo còi rời bến chợ Biên Hòa, khiến tôi bồi hồi nhớ tiếng còi xa xôi lắm của chiếc tàu dò hiệu Tấn Phát do sức người đạp bằng bánh xe bằng gỗ thuở năm 1940 tôi có dịp đi về nhà cho kịp đám ma của người chị dâu thứ Ba của tôi.

Tàu qua cầu Mới khi nắng lên, cầu sáng rực.

Trên bầu trời, vài chiếc máy bay khách các nước giảm tốc độ, hạ độ cao lượn vòng qua núi Bửu Long, Châu Thới để hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất.

Tàu kéo còi chào núi Bửu Long được gọi là Hạ Long trên cạn của Đồng Nai. Rồi con tàu chở hơn trăm người chúng tôi lừ lừ theo bờ sông đầy hoa bằng lăng nước tím ngát, thấp thoáng dăm cô gái, trẻ em nháy xuống cầu tắm tấp, giặt giũ, bơi lội thỏa thích. Tàu lại qua cù lao Rùa, cù lao Thanh Hội, cù lao Mỹ Quới lừ lừ, một màu xanh rì, nhấp nhô sóng, lấp lánh lưới chàai quăng vãi trên nền trời biếc có vài con diều hâu giăng cánh đảo lượn...

Độ đứng bóng, tàu cắm mũi vào bờ xã Tân Tịch sau khi qua dốc Chùa đầy kỷ niệm với tôi, tạt qua chòm cây sao cổ thụ ấp Vườn Vũ, dốc Tổng Ngãi, nơi khi xưa là trạm gác tiền tiêu của anh Tám Nghệ, xé bên trong bờ rừng kia là Đại bản doanh của anh - của Chi đội 10 lịch sử.

Chúng tôi nháy thoăn thoắt lên bờ đất đỏ mảnh đất chiến khu Đ anh hùng mà bất kỳ người miền Đông, Biên Hòa - Đồng Nai nào cũng bồi hồi xúc động khi nghe nhắc đến.

Vẫn chiếc cầu Rạch Rớ năm xưa, chúng tôi từ trong rừng ra đây kiếm cái ăn đỡ đói.

Ngôi mộ nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ nằm cạnh ngôi mộ chị Tám vợ anh, và ngôi mộ của bà mẹ anh - Người mẹ mà anh có nhiều bài thơ cảm động - Bà mẹ đã sinh ra anh, nuôi dạy anh từ tấm bé, đã

chúng kiến cảnh anh cầm đuốc đốt ngôi nhà mình để tiêu thổ kháng chiến, và, lập Đại bản doanh đầu tiên tại nền nhà này. Trong chín năm kháng chiến chống Pháp, bà đã bị giặc Pháp bắt cùng chị vợ của anh Nghệ đem an trí ở thành phố Biên Hòa để dụ hàng nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ. Bà chỉ cười, bảo chúng “Đi lên rừng chiến khu Đ, tìm thằng Nghệ biểu nó đầu hàng. Tao là mẹ, tao không làm được việc đó đâu”.

Đến thời chống Mỹ, giặc tại tiểu khu Phước Thành tàn ác lại tìm bắt Mẹ lần nữa cũng với mưu đồ thâm độc trên. Tiểu khu Phước Thành, địa đầu của chiến khu Đ, chỉ cách nhà anh vài chục cây số. Chúng dụ dỗ, hăm dọa Mẹ đủ cách, bảo Mẹ viết thư cho chúng mang rải khắp chiến khu kêu gọi Tám Nghệ “trở về với chính nghĩa quốc gia”. Lúc này, Mẹ đã quá già, vẫn quắc thước, vẫn với nụ cười gần như khi trả lời tên quan Pháp trước đây, vẫn cái cười gần của bà mẹ Đồng Kim Lân...

Có một sự thật chúng không ngờ : Lúc đó, anh Tám Nghệ đã làm Thứ trưởng Bộ Lâm Nghiệp, trên đường trở về Nam. Nhưng nóng lòng muốn cứu bà Mẹ anh hùng, anh em bộ đội và đồng bào vùng chiến khu, miền Đông tung tin rằng Tướng Nghệ đang chỉ huy binh lực tràn ngập chiến khu, chuẩn bị tấn công tiểu khu Phước Thành, khiến tên thiếu tá ác ôn tiểu khu trưởng Mẫn vô cùng khiếp đảm, lúc nào cũng trèo lên tháp canh nhìn chừng về phía rừng chiến khu Đ chỉ cách hấn vài chục cây số...

Nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ, đây là con

người huyền thoại của xứ miền Đông gian lao mà anh dũng này, sau trung tướng Nguyễn Bình, một con người phải nói là văn, võ song toàn. Từ khi bắt đầu cầm bút viết văn, làm báo đến nay đã gần năm mươi năm, không lúc nào tôi không suy nghĩ, ấp ủ viết một tác phẩm gì đó về anh. Nhưng, cho đến hôm nay, đã bảy mươi tuổi trời, đã viết được nhiều tác phẩm lớn, nhỏ rồi, mà tôi vẫn chưa viết được một tác phẩm nào về anh gọi là có. Buồn thật. Đáng buồn thật. Tôi đã bỏ qua nhiều dịp may để tìm hiểu về anh. Những năm kháng chiến chống Pháp ở chiến khu Đ, tôi gặp anh thường lắm : Dọc đường hành quân giữa rừng. Tần ngần trước Đại bản doanh của anh. Có nhiều bạn bè thân làm thư ký riêng cho anh. Nhưng, tôi cứ bị mặc cảm bé nhỏ, tự ti thế nào ấy, không sao dám gặp mặt chuyện trò cùng anh. Vả lại, lúc ấy, anh đã từng sừng sững là một chỉ huy trưởng, một Tư lệnh khu Bảy, một Khu bộ phó khu Bảy, sau Tướng Nguyễn Bình và Bảy Viễn chỉ huy trưởng Bình Xuyên. dưới tướng của anh, có nhiều vị khổng lồ, bậm trợn như các chỉ huy trưởng Quang Đen, Quang trắng, Nguyễn Văn Lung, Hoàng Thọ, Hoàng Trường, Võ Tinh Quân, Võ Bá Nhạc, nghe đến tên, giặc cũng nể dè.

Từ năm 1960, khi được về thành lập Điện ảnh quân đội ở đường Lý Nam Đế - Hà Nội, tôi lại ở nhà số 17, anh ở nhà số 10, gần như đối diện đường Lý Nam Đế. Bên này đường nhìn sang bên kia đường. Thế mà tôi vẫn không dám vào nhà anh trò chuyện, thăm thú bình thường, thế mới lạ. Cho đến khi in xong tiểu thuyết "Trên mảnh đất này" năm 1962, tôi đắn đo mãi mới

sang tầng anh quyển sách ấy, vài câu qua loa rồi ra về bên này đường. Nhiều đêm khuya, tôi phải thức để làm phim gấp, đứng trên tầng hai nhìn sang nhà anh, vẫn sáng đèn, thỉnh thoảng thấy các anh quen thuộc như Bùi Trọng Nghĩa nguyên Phó chi tình báo của anh thời chống Pháp, anh Cao Văn Bồ, bạn thân của anh, nguyên là chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chánh huyện Tân Uyên chiến khu những năm 1945 - 1946, Tỉnh đội trưởng dân quân tỉnh Biên Hòa, các anh Tô Văn Cửa, nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chánh Biên Hòa... chuyện trò đến khuya, đánh bài tú lù khơ giải sầu... Tôi thầm nghĩ : Chắc các anh ấy đã để vợ, con, cháu ở lại trong Nam, định ra đây trong hai năm sẽ trở về, thế mà...

Những năm ấy, anh Huỳnh Văn Nghệ đã làm thêm nhiều thơ về chiến khu Đ Biên Hòa, Đồng Nai, về con sông quê hương anh gọi âu yếm là "Dòng sông xanh", lại mày mò, âm thầm ghi hồi ký... Nhà Xuất bản Văn nghệ thuộc Hội Nhà văn Việt Nam đã sưu tập và in cho anh cùng một tác giả khác cùng người miền Nam một tập thơ lấy tên là "Sông Đồng Nai", trong đó có nhiều bài nổi tiếng từ lúc chưa tập kết, đã làm lúc anh lưu lạc bên Xiêm với nghề hỏa xa, hoạt động bí mật, như : Bà mẹ bán cau, Đám ma mẹ nghèo, Nhớ Bắc với bốn câu "bất tử" cả nước ai cũng thuộc, có nhiều học giả, thi nhân tưởng là thơ khuyết danh : *"Ai về Bắc ta đi với. Thăm lại non sông giống Lạc Hồng. Từ độ mang gươm đi mở cõi. Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long"*. (Sau năm 1975, một lần nhà thơ Huy Cận về thăm Hội Văn nghệ Đồng Nai, nghe giới thiệu

bốn câu thơ ấy của anh Huỳnh Văn Nghệ, Huy Cận vô cùng ngạc nhiên, Vì từ rất lâu, anh cứ tưởng đây là những ca dao, hay thơ khuyết danh xứ Đồng Nai "khoai củ". Và dịp hoạt động kỷ niệm Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm, nhà thơ Tố Hữu về thăm Đồng Nai, nghe kể về Huỳnh Văn Nghệ, nghe đọc nhiều bài thơ của anh Nghệ, nhà thơ Tố Hữu trầm ngâm, lấy làm ngạc nhiên, thì thào : "Lạ hỉ. Xứ Đồng Nai có một nhà thơ chiến sĩ, nhà thơ tướng quân như thế, rằng bấy lâu tôi không biết hỉ ?".

Trên mộ chí anh, khắc hai câu thơ cũng rút từ tập "Dòng sông xanh" của anh: "Xin gửi lại bài thơ trên cát trắng.

Và chiều nay tôi sang bến lên đường".

Năm 1981, khi về Hội Văn nghệ Đồng Nai, tôi và số anh chị em có sưu tầm được vài chục bài thơ lưu truyền của anh, chủ yếu là nhờ các bạn bè kháng chiến năm xưa của anh moi trí nhớ đọc lại cho ghi chép. Tôi hợp tác với Nhà Xuất bản Sông Bé cho in tập thơ ấy, lấy tên là "Dòng sông xanh", Tôi nhờ nhà thơ Xuân Thiêm và anh Hoàng Kim Chung biên tập giúp trước khi in. Tiếc một điều : Nhà thơ Xuân Thiêm và anh Hoàng Kim Chung muốn bốn câu thơ độc đáo nói trên được cả nước hiểu và tiếp nhận rộng rãi hơn, nên sửa mấy từ : Từ độ mang gươm đi mở cõi. *Từ độ*, sửa thành *từ thuở*... Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long. *Trời Nam* thành *Ngàn năm thương nhớ*... Sách đã in rồi, phát hành rồi, tôi mới phát hiện chuyện ấy. Tôi nói với các anh ấy rằng khẩu khí của người dân gốc Biên

LƯỢM CÁI HOA RƠI

Hòa Đồng Nai khoai củ là "Tủ độ" chứ không "Tủ thuở". "Trời Nam" thương nhớ chứ không "Ngàn năm" thương nhớ. Về sau, mỗi lần tái bản, tôi quyết sửa lại nguyên bản.

Cũng nhân dịp kỷ niệm vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm, chúng tôi có sưu tầm được năm truyện ngắn và hơn trăm trang hồi ký của anh, do gia đình anh cung cấp. Rất tiếc là Hồi ký của anh chỉ mới đến giai đoạn sôi nổi chuẩn bị cách mạng Tháng Tám năm 1945... Không hiểu vì lý do gì mà hồi ký dừng lại ở đó. Mà chính giai đoạn chín năm kháng chiến chống Pháp của anh tại chiến khu Đ, giai đoạn anh đứng lên tổ chức lực lượng võ trang của Biên Hòa, hình thành Chi đội về sau là Trung đoàn 310 Biên Hòa - Đồng Nai, làm Tư lệnh khu Bảy, tổ chức trận giao thông chiến lấy lòng đầu tiên của Việt Nam kháng chiến, trận La Ngà, Bàu Cá, Trảng Bom... Có thể còn có nhiều điều rất khó viết, còn phải chờ thời gian và lịch sử phán xét. Tôi nghĩ vậy. Riêng cái chuyện anh từng là Trung đoàn trưởng trung đoàn 310, từng là Tư lệnh khu Bảy, nhưng khi tập kết ra Bắc, anh chỉ được phong quân hàm thượng tá, công tác ở Cục quân huấn - Bộ Tổng tham mưu, mãi về sau mới được bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Lâm Nghiệp..., cũng làm chúng tôi khó hiểu và bối rối khi có ai hỏi đến. (Cũng có thể do chức vụ của anh những ngày sắp xuống tàu tập kết ra Bắc là Tỉnh đội trưởng dân quân tỉnh Biên Hòa - Thủ Biên tôi lại phỏng đoán vậy, cũng không dám trao đổi cùng ai).

Lần thứ hai viếng mộ anh, chúng tôi theo con

đường bộ dọc sông Đồng Nai. Con đường nơi nào cũng in bóng anh và đoàn quân chân đất của anh từng tung hoành dọc ngang chín năm trời cùng thực dân xâm lược Pháp. Chúng tôi men theo bờ sông Đồng Nai, từ chân núi Châu Thới, chợ Bửu Hòa, đến cầu Tân Hạnh, chợ Tân Ba, cầu Bà Kiên...nơi đội quân của Bảy Li đánh nhau với giặc mấy tháng trời, mới rút về cố thủ quận lỵ Tân Uyên, nơi anh Hai Cà, tức Trần Công An đã ôm loại bộc phá tên FT luôn vào gắn vào chân tường lô cốt kiểu tháp canh Đờ Latua, mở đầu cho lối đánh đặc công về sau. Một đêm, hàng chục tháp canh Đờ Latua bị bộc phá FT thổi bay. Loại bộc phá đặc biệt này do binh công xưởng Chi đội 10 của anh Bùi Cát Vũ sáng chế giữa rừng sâu chiến khu Đ những năm 1948 - 1950...

Ngay chợ quận lỵ Tân Uyên ngày nay, có dựng tượng anh Tám Nghệ, dựng bia về tiểu đoàn 303, về Trung đoàn 310 của anh, có trường Trung học mang tên Huỳnh Văn Nghệ. Có thể nói chợ lỵ Tân Uyên là cửa ngõ chiến khu Đ. Ủy ban hành chính tỉnh Sông Bé- Bình Dương lấy tên anh đặt một giải thưởng Văn học nghệ thuật cho tỉnh - một giải thưởng sang trọng.

Đám giỗ anh năm 1997 tổ chức tại căn nhà anh năm xưa, nay là mộ anh, mẹ anh, vợ anh, có đông đủ bạn bè anh là tướng tá khắp nước về dự, đông nhất vẫn là người dân chiến khu Đ nhiều thế hệ, có bà mẹ già bán cau, có người già dân tộc thiểu số quê anh Xiêng (Điểu Xiêng đại biểu Quốc hội đầu tiên, bị giặc Pháp bắt tại Xuân Lộc, thả chịu chúng trời sau xe Jeep kéo lê trên rìa chiến khu Đ bên dòng sông Đồng Nai

đến tắt thở, chứ nhất quyết không đầu hàng... Và, anh hùng Điều Xiểng đã sống mãi trong bài thơ của chỉ huy trưởng tướng quân Huỳnh Văn Nghệ.

Nhân dân vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai đã không quên anh. Đã phong tặng anh là Tướng. Tướng quân Huỳnh Văn Nghệ. Không cần biết cấp bậc, chức vụ lúc anh còn sống là gì. Anh là dòng sông Đồng Nai trong xanh, là rừng đại ngàn chiến khu Đ. Là suối Dấp Lạc nơi người bác sĩ Võ Cương, chính trị viên trung đoàn 310, bạn thân của anh đã cắt cánh tay bị thương của anh Tảo bằng cửa thợ mộc, và suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, bài "Tiếng hát quốc ca" của anh được cán bộ, chiến sĩ chiến khu ngâm nga khi bị giặc bao vây ác nghiệt, khi chiến khu bị chìm trong trận bão năm Thìn lịch sử năm 1952... Có nhiều người anh hùng gắn liền cuộc đời, sự nghiệp cùng cuộc đời, sự nghiệp của anh, trong đó có huyền thoại "Tướng cướp Chín Quì", người cùng làng với anh, cố nông, không chịu cảnh áp bức bất công, vùng lên làm cách mạng, lấy Mỹ Lộc, Đất Cuốc, Mã Đà tận chân dãy Trường Sơn làm căn cứ từ năm 1941 - 1942 sau Nam Kỳ khởi nghĩa bị chìm trong biển máu. Chính người bạn nghèo cùng làng ấy, người đảng viên ấy đã sát cánh cùng anh trước năm 1945, trong chín năm kháng chiến thần thánh, là Phó tướng của anh, người đã đặt sáu xã chiến khu Đ đại ngàn trên lòng bàn tay như Phật tổ Như Lai đặt Tê thiên đại thánh trong lòng bàn tay vậy.

Trong chín năm gian khổ tột cùng ấy, anh là ngọn cờ, là linh hồn của chiến khu Đ, của miền Đông Nam Bộ. Người dân miền Đông Nam Bộ gọi người chiến

sĩ là lính của Tám Nghệ, lực lượng trung đoàn 310, tiểu đoàn chủ lực 303 là bộ đội của Tám Nghệ...

Cho đến giờ đây, hòa bình trên cả nước đã được hơn hai mươi năm, nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ đã qua đời hơn chục năm rồi, mà người dân mọi lứa tuổi, mọi giới của miền Đông, của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước... vẫn “gọi xứ của Tám Nghệ...”

Anh sừng sững là một tượng đài bên dòng sông Đồng Nai lịch sử, huyền thoại. Là một tượng đài tinh thần, truyền thống của xứ Biên Hòa - Đồng Nai khoai củ này.

ÔNG BA TRỌN

Hỏi chuyện người già sáu xã chiến khu Đ, hoặc hỏi về huyền thoại tướng quân Huỳnh Văn Nghệ, ai ai cũng hỏi lại : “Bộ quên mất ông Ba Trọn rồi sao ? Ê, không công bằng đâu nghe cưng”. Vậy đó. Cũng giống như đặt chân lên mảnh đất làng Bình Long bên con sông Đồng Nai huyền thoại, đi đâu cũng nghe dân làng kể chuyện về chú Từ Khiêm vậy.

Những năm gian khổ ấy, tôi công tác ở Ban giáo dục huyện Tân Uyên, thường đóng trụ sở tại suối Sâu, Tân Lợi thuộc xã Tân Dân. Có lúc trường tiểu học kháng chiến huyện do tôi tổ chức, cũng tản cư tại suối Sâu. Thuở ấy, suối Sâu thuộc xã Tân Dân gần như là ‘Thánh địa’ của chiến khu Đ vậy. Các cơ quan tỉnh, Tỉnh đội, bệnh xá... đều đóng quân quanh suối Sâu.

Bên bờ suối Sâu, ngay đầu cầu rong rêu dưới tàn cây trắc cổ thụ có một mái lán lợp bằng lá buong lúc nào cũng đầy ắp tiếng cười, tiếng dao chặt xuống thớt, tiếng trai gái la hét, tiếng người già chửi bới. Đó là quán ông Ba Trọn.

Mùa mưa, nước suối tràn trề, lá rừng ướt đầm, vắt ngo ngoe từng bầy, kiến bù nhọt đi thành đàn đen mặt đất. Mùa nắng đổ lửa, lá cây, ngọn cỏ run rẩy trong bầu trời vàng sệt như mật ong, mồ hôi đầm lưng áo. Mùa nào, ngày nào, đi đâu, về đâu, cũng mong được lần quay trước sân lều quán Ba Trợn chí ít cũng được vài giờ. Húp một tô hủ tiếu chân khỉ với nước lèo lèo bèo vài miếng mỡ bụng cá suối, vài cọng rau hẹ suối rong rêu, cắn một nửa trái ớt trong tiếng thở dài xót xa của chủ quán Ba Trợn : “Nhả bớt ra. Mùa này, kiếm một trái ớt chỉ thiên, đồ mất”. “Trời, cái thứ trời cho, do chim rừng ỉa đầy trời, tiếc gì, chú Ba?”. - “Đầy trời hả ? Đầy trời, thì mày nhả ra trả lại cho tao đi ?” - “Nhả thì nhả, quý báu gì.”. Thế là khách móc túi quần xà lỏn quăng ra giữa quán một nhúm ớt hiểm chín đỏ thấy mà bắt chấy nước miếng.

Khách là hạng nào, cũng kệ. Đến quán Ba Trợn, phải tôn Ba Trợn là sư phụ, một sư phụ, hai sư phụ, thế là được ‘sư phụ’ cho ăn thả giàn. Một miếng dưa măng rừng luộc. Một tô nước lèo hủ tiếu bằng cơm nguội thiêu phơi khô. Một miếng thịt khỉ phơi khô... và, vài chén rượu lậu. Vậy là cười nói rân rân, ngả nghiêng cây cối. Bất chấp trời đất. Bất chấp cộp ba móng. Bất chấp cái dối đang hoành hành ngày đêm. Bất chấp có một toán commăngđô thọc sâu giữa ruột chiến khu, chỉ tìm phá rẫy lúa, khoai, giết trâu bò, nông dân. Với khẩu hiệu “Giết một con trâu bằng giết ba nông dân. Giết một nông dân bằng giết ba Vệ quốc đoàn.”.

Nếu có ai đó không hiểu, không tôn Ba Trợn là sư phụ, ít ra cũng phải biết sửa sai bằng cách này :

- A ha, kính chào đệ tử ruột của Chỉ huy trưởng tướng quân Huỳnh Văn Nghệ. Vậy là được Ba Trợn mở lòng chiêu đãi. Thực ra, giữa Ba Trợn và anh Tám Nghệ có mối thâm tình sâu đậm.

Ông Ba Trợn đúng là dân lang bạt kỳ hồ ở miệt Sài Gòn, Biên Hòa, toàn thân xâm rần rì các hình thù kỳ quái, răng rất đều, rất chắc, ngực nở, chân tay to xương, dài ngoẵng, lại thêm bộ râu bó hàm, hơi hướng các hảo hán trong anh hùng Lương Sơn Bạc của Thủy Hử.

Nghe nói đầu năm 1946, khi giặc Pháp tấn công ồ ạt các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Gia Định, Bà Rịa... ông Ba Trợn cũng ở trong đội quân "ô hợp" nào đó mà lúc ấy nhan nhản khắp Nam Bộ. Khi đạo quân ấy tháo chạy lên tới Biên Hòa, Tân Uyên, gặp một thanh niên cỡi ngựa bạch vung súng lục đón đầu, quát bảo :

- Đứng lại, đóng quân, đánh giặc cứu dân, cứu cách mạng. Chạy dài, tôi bắn đổ ruột!

Người thanh niên ấy là Huỳnh Văn Nghệ, vũng vàng trên lưng ngựa, đầu đội nón nỉ hiệu Mốt-săng đen, tay súng, tay gươm Nhật lệt bệt mặt đất đỏ dọc dòng sông Đồng Nai.

Ba Trợn cũng tiến tới, vung súng mứtcotong định ăn thua đủ với chàng trai trẻ xứ Biên Hòa chó ăn đá, gà ăn sỏi này. Chỉ một phát súng lục nhỏ thôi, khẩu súng trường dài thòng của Ba Trợn văng xuống bờ sông Đồng Nai.

Thế là đạo quân thất trận của Ba Trợn rừng rừng quay trở lại, hạ trại bên bờ con sông Đồng Nai trong veo, phía trước là rừng đại ngàn tận Mã Đà *"Mã Đà sơn cước anh hùng tận. Thân Dâu niên canh kiến Thái Bình"* - Không biết từ lúc nào, câu sấm của Trạng Trình đã ám ảnh người dân xứ này, mặc dù từ chợ lý Tân Uyên lên tới Mã Đà cũng chỉ vài chục cây số đường chim bay thôi. Vì trước cách mạng Tháng Tám, trước cuộc kháng chiến năm 1945 nổ ra, "cái anh hùng tận" của Mã Đà là bệnh sốt rét rừng, là sơn lâm chướng khí, là thú dữ như cọp beo, voi... Người dân xứ Đồng Nai hạ của tôi đã có câu hát "Gái thuyền duyên cũng mặt búng da chì. Trai tráng sĩ cũng so vai rứt cổ". Kinh khủng đến thế đấy.

Sau khi hạ trại bên bờ sông Đồng Nai vài tuần lễ, Ba Trợn bỗng biến mất ! Đủ thứ tin đồn ác độc :

- Thằng cha chuyên ngồi đầu cầu thối sáo, lắc túi, rạch hầu bao ở cầu Muối - Sài Gòn ấy đã phản rồi. Bắt được nó phen này, rạch bụng nhồi trấu cho mò tôm chơi.

Một tuần sau nữa, dân làng tôi được chú Từ Khiêm báo tin "tuyệt mật":

- Thằng cha Ba Trợn Ba Trạo đã phản anh Tám Nghệ, nhảy ra làm sếp bót Võ Sa rồi.

Người già đi chợ Võ Sa lật đật chạy nhào về, run rẩy :

- Nè nè, thằng cha Ba Trợn đã ngồi chồm hóm trước cửa bót Võ Sa dưới kia rồi. Nó gõ gõ chiếc súng

LƯỢM CÁI HÓA RƠI

lục vào vành nón sắt, hỏi tui : “Bà má non, biết tui là ai không ? Compris ? Nhìn kỹ cái bản mặt của tui coi ? Ba Trợn. Ba Trạo cũng là tui. Sếp bót, hiểu ? Compris?”

Cái đồn do Ba Trợn làm sếp bót đóng ngay đầu làng tôi, án ngữ con đường ngày xưa tôi ngày ngày chạy tới trường Võ Sa.

Vậy là con đường từ Biên Hòa dẫn lên ngã ba Bình Ninh, qua chợ Tân Uyên, lên ấp Long Chánh của tôi đối diện với xã Tân Tịch, Mỹ Lộc thuộc chiến khu Đ bên kia sông đã bị chúng chia cắt, án ngữ. Mặc dù lực lượng của cái đồn ấy cũng chỉ chục tên, gần như hoàn toàn phải tự túc mọi thứ. Thỉnh thoảng, đi chợ ngang cửa đồn, dân chúng nghe tiếng chửi sa sả của Ba Trợn :

- Ông cố nội tui bây. Biểu ra rừng chồi quanh đây tát ao bắt vài con ếch, nhái về xào bậy bạ với đợt dậu, thẳng nào cũng té đái trong quần. Tao có phải ông cố nội tui bây mà cái gì cũng trút lên đầu tao. Hết gạo cũng Ba Trợn. Hết mắm muối cũng bớ Ba Trạo... Vừa vừa thôi. Quá lắm, tao nhắn tin cho tướng quân Tám Nghệ bên kia sông kéo quân qua xõn đầu cha tui bây hết tội. Rồi tiếng khóc lu loa của sếp bót Ba Trợn: “Đá thất thế bị hủ lô đè nhẹp. Ngọn cỏ sa cơ bị lục lộ xõn đầu”.

Dân làng tôi còn bí mật truyền nhau cái tin động trời : “Chú Từ Khiêm và sếp bót Ba Trợn ngày đêm rình mò nhau gặt gao, miệng người nào cũng ngậm dao găm sáng dới, tay thủ lựu đạn chày của Nhật. Có đêm, sếp bót Ba Trợn bên trong tường, Từ Khiêm bên

ngoài bờ tường, chửi nhau không còn chút da cha sanh mẹ đẻ. Đến khi bí thế, chú Từ Khiêm đem Tướng quân Huỳnh Văn Nghệ bên kia sông ra hù dọa, sắp bót Ba Trợn mới lết ngược trở vô đồn, còn vớt vát :

- Ê, Từ Khiêm xứ Đồng Nai khoai củ, có ngon thì tay không chơi nhau. xả lảng với sắp bót Ba Trợn này. Đừng có đem Tướng Tám Nghệ ra hù dọa tui nghe. Đá thất thế bị hủ lô dè nhẹp. Ngon cỏ sa cơ bị lục lộ xỏn đầu...

Vậy mà, mười hai tháng sau khi tự giam mình trong cái bót làng sống bằng nghề tát cá đìa ở bầu Mật cật, nhấp ếch ở các ao giữa rừng chồi quanh bót, một buổi sáng, dân làng chạy về báo tin: Cái bót lính làng Võ Sa tự nhiên biến mất. Người dân làng tôi xông vô bót lục tìm súng, đạn, cái ăn, chỉ moi được vài chục lưỡi câu, vài chục bộ bẫy chim trích, cúm nùm, vài cái bông mướp để nhấp ếch.

Rồi từ bên kia sông tin tức bắn về :

- Thằng cha bán trời không mời thiên lôi Ba Trợn đã dắt cả tiểu đội lính làng mang toàn bộ súng đạn vượt sông qua chiến khu đầu hàng Tướng quân Huỳnh Văn Nghệ.

Chú Từ Khiêm cũng lật đật ôm cây chuối hột vượt sông sang báo cáo quan trọng cho anh Tám Nghệ, bỗng trông thấy Ba Trợn đang đứng nghiêm trước anh Tám Nghệ, đông dặc báo cáo :

- Dạ kính thưa Tướng quân anh Tám yêu quý của Võ Tòng Lương Sơn Bạc, đàn em là Ba Trợn, đã

làm tròn trọng trách anh Tám Tướng quân giao cho, đã phúi bay cái bót dân vệ Bình Long... Xin anh Tám Tướng quân cho đàn em trở về với cái quán Chu Quý Ba Trợn năm xưa bên bờ suối Sâu, anh Tám Tướng quân đâu, đàn em này theo đó tới ngày kháng chiến thành công.

Từ đấy, bên bờ con suối Sâu "kinh đô" của chiến khu Đ, mái lều quán Ba Trợn lại mọc lên, lúc nào cũng râm ran tiếng cười, tiếng dao thớt, tiếng pha trò, chửi bới của Ba Trợn. Thỉnh thoảng, anh Tám Nghệ, anh Cao Văn Bồ, các anh Bùi Trọng Nghĩa, Tô Văn Cửa, nhất là các anh chị ngành giáo dục Biên Hòa chúng tôi cũng thường tạt qua quán Ba Trợn. Thú thật là cuộc sống giữa rừng già chiến khu, lại thiếu thốn đủ thứ, nhất là tình cảm, buồn lắm. Tìm cách đến với quán Ba Trợn, dù sao cũng gặp người này người nọ, cũng tán dóc, pha trò, có trai có gái, đôi khi gặp cả trai gái từ thành thị mới vô, từ Đồng Tháp Mười, U Minh lên... Thấy mình ốm nhom, da xanh mét, rách rưới họ cho khi vài viên kinin vàng trị sốt rét, khi chục viên buidong Đ, bột ngọt, khi một cái áo bà ba sờn rách. Và, nhiều đêm dưới ánh trăng, chúng tôi quây quần ở quán có vài chục người, hùn hạp nấu cháo khỉ, hủ tiếu bánh trắng, hoặc được ai đó hứng lên cho vài lon gạo vô nôi. Vậy là được một bữa "Liên hoan" giữa chiến khu xanh...

Cho đến khi phải thực hiện chủ trương chống giặc đốt trong chiến khu Đ, tình cảm giữa chúng tôi và ông Ba Trợn mới bị sút mẻ, có lúc căng thẳng đến không nhìn mặt nhau. Chỉ vì, ông Ba Trợn hảo hớn Lương Sơn Bạc vậy mà chữ nghĩa không đầy lá mít.

Mà cái quán của ông lại ở trung tâm văn minh của chiến khu, cũng là bộ mặt của chiến khu Đ, của cuộc kháng chiến thần thánh chống xâm lược Pháp của miền Đông Nam Bộ.

Các thầy Tô Bá Hùng, thầy Ba Phụng, thầy Sáu Tửu cùng các em bầm bổ như Huỳnh Văn Bình, Cúc B, Hoàng Minh Đoan... chịu trách nhiệm bổ túc văn hóa cho Ba Trợn.

Nhiều đêm khuya, tôi đang ngồi soạn sổ sách dưới ngọn đèn hột cao su tù mù, bỗng thầy Sáu Tửu cùng các em Bình, Đoan lủi rùng chạy về thở ồ ồ, người đầy mồ hôi. Biết có chuyện với Ba Trợn rồi, tôi đùa :

- Sao đổ mồ hôi quá trời vậy? Bộ ông Ba Trợn dãi hủ tiểu nóng hả?

Thầy Sáu Tửu không nói không rằng, lật lưng quần cho ba củ khoai mì sống rớt xuống đất, liệng vô bếp lửa, thủng thẳng :

- Hủ tiểu Ba Trợn đắng hơn thuốc Bắc.

Hoàng Minh đoan cất tiếng cười hục hặc kiểu triết gia xưa nay :

- Mù chữ, chữ mù, chửi mù chữ.

Huỳnh Văn Bình nôn nóng, day trở, rọ rạy :

- Thì nói phứt cho anh Chín có kế hoạch. Ở đó mà triết lý cùn.

Tôi cất tiếng cười :

- Khỏi nói. Tôi biết rồi. Hôm nhận kế hoạch,

LƯỢM CÁI HUA RƠI

tôi đã báo cáo hết khó khăn này rồi. Nhưng, Ủy ban kháng chiến hành chánh, Ty giáo dục vẫn quyết giao Ban giáo dục huyện mình nhiệm vụ quan trọng này. Đó là một trong ba nhiệm vụ quan trọng... Hoàng Minh Đoan lại khom cái lưng tôm, gật gù bên gốc cây cắm lại:

- Giặc đốt, giặc đói, giặc ngoại xâm...

Những ngày sau, tôi thay đổi lực lượng, kế hoạch đối với quán Ba Trợn. Phải đưa các em gái đến nhiều hơn, lựa lúc có các anh, các chú bộ đội đến quán để tuyên truyền Ba Trợn học thêm chữ.

Tình hình cũng có dịu hơn chút đỉnh. Dù sao, Ba Trợn vẫn không nỡ vác dao rượt đám con gái như Cúc A, Cúc B, Sâm, Chiêu, Loan...

Một lần, ông Ba Trợn đang ngồi trên cây gổ dính đầy mỡ khỉ nghe Sâm giảng bài, bỗng ông tướng Đoan khệnh khạng bước vào, ngâm nga : "Ông Y ông Phó cao tài. Kẻ cày người cuốc đoái hoài chi đâu. Thái Công xưa một cần câu. Sớm hôm sông Vị mặc dầu vui chơi". Ông Ba Trợn nổi khùng bất thường, cho rằng Đoan dám châm chọc cái dốt của ông. Thế là ông chụp con dao xắt thịt, chém mạnh vào thân cây cắm lai cổ thụ. Đoan hoảng hồn bỏ chạy. Ba Trợn rượt theo, vung con dao loe loé ánh trắng. Cúc A, Sâm sợ quá chạy theo can ngăn Ba Trợn. Ba Trợn chạy trở vô chụp chiếc đầu khỉ luộc nhẵn răng dí giữa mặt các em gái, gầm gừ dữ dội :

- Tụi bây đừng coi thường thằng Ba Trợn này.

Tao không dốt đâu. Tao chưa học thêm thôi. Vì thuở nhỏ, nghèo, hèn, tao phải ngồi đầu cầu thổi sáo, lác túi, rách hầu bao thiên hạ kiếm sống. Lớn lên, phải tham gia kháng chiến cứu nước. Phải làm Sếp bút Vỡ Sa theo mật lệnh của tướng quân Huỳnh Văn Nghệ. Tao không dốt đâu. Dốt mà làm được những chuyện động trời đó hả ? Dốt mà làm được sếp bút hả ? Dốt mà biết mở quán Chu Quý của Lương Sơn Bạc để bán hủ tiếu nuôi kháng chiến sao ?

Nói đến sùi bọt mép, Ba Trợn quẳng luôn chiếc đầu khỉ nhảu răng vào cái túi vải đựng sách học của Đoan :

- Ba Trợn dốt nát, Ba Trợn Uất Trì Cung cho tụi bây cái đầu khỉ về hầm đậu xanh bồi bổ để tới đây xóa cái “lô cốt Ba Trợn” này cho kháng chiến mau thành công...

Mấy đêm sau, ông bắt đầu chịu học thêm. Ông chum mười đầu ngón tay dính đầy dầu mỡ vào cục than viết mạnh lên chiếc thớt bằm thịt những chữ ngoằn ngoèo...

THÀY HOÀNG MINH VIỄN

Chúng tôi thường gọi thầy là anh như bao cán bộ kháng chiến khác. Đó là một trong những biểu hiện của Tự do Dân chủ mà người kháng chiến chúng tôi cảm nhận rất rõ những ngày đầu tham gia. Trước ngày 19/8/45 chỉ cách nhau vài tuổi là cách xưng hô cũng khác nhiều. Còn bây giờ, sống trong rừng già, cái thế giới của Độc lập, Tự do, mọi người xưng hô đồng chí, "anh, chị" một cách tự nhiên.

Thầy thuộc lớp người lớn hơn chúng tôi vài chục tuổi, lại là lớp trí thức, thầy giáo tên tuổi trong tỉnh. Đối với tôi, thầy lại là người cùng làng. Tôi ở ấp Long Chánh. Nhà văn tiền chiến Lý Văn Sâm ở ấp Bình Ninh. Thầy Hoàng Minh Viễn (Năm Ngũ) ở ấp Võ Sa. Đó là một cái làng nghèo, quê mùa, nằm dọc theo con sông Đồng Nai. Từ trên cao nhìn xuống, làng Bình Long chúng tôi như một cái bàu nhỏ lọt thỏm giữa rừng đại ngàn miền Đông Nam Bộ, có con sông Đồng Nai như sợi chỉ nhỏ vắt qua, bò, trườn từ Đồng Nai thượng, Lang Biang qua Cát Tiên, thác Trị An, ngã ba Sông Bé, xuống ngã ba Bình Ninh - cù lao Mỹ

Quới, xuống cù lao Thạnh Hội, Bửu Long, cù lao Phố và tuột luôn ra biển cả.

Lúc cách mạng tháng Tám đang đến cao trào, phong trào thanh niên tiên phong rầm rộ khắp Nam Kỳ, Lục tỉnh, thầy Hoàng Minh Viễn đang dạy học ở trường Nguyễn Du, Phước Thiện Biên Hòa. Thầy là Mônitor (hướng đạo), hăng hái tham gia phong trào thanh niên tiên phong, về sau, biến thành lực lượng quần chúng ngả về cách mạng. Lực lượng này tham gia các cuộc biểu tình cướp chánh quyền về cách mạng ở huyện, tỉnh, rồi qua Sài Gòn cướp chánh quyền ngày 26 tháng Tám năm 1945.

Tiếng tăm thầy nổi lên từ đó. Khi tôi vào rừng chiến khu Đ tham gia kháng chiến ở cơ quan Xã hội, Giáo dục, Bình dân học vụ quận Tân Uyên, thầy đã là Trưởng Ty Giáo dục tỉnh Biên Hòa. Vẫn tác phong lạnh lẹn, hoạt bát, rất thanh niên, ăn nói có duyên, thông minh, thầy hấp dẫn lũ chúng tôi dễ dàng. Đối với dân xứ tôi, cái tên Hoàng Minh Viễn của thầy ít được biết đến bằng cái tên "Năm Ngũ", "Giáo Ngũ". Mãi cho đến ngày nay, thầy đã trờm trờm tuổi chín mươi, người dân xứ tôi vẫn gọi thầy là "Thầy Năm Ngũ".

Đội ngũ cán bộ Ty Giáo dục kháng chiến tỉnh Biên Hòa lúc ấy hầu hết là thầy giáo đã dạy nhiều năm dưới chế độ Pháp thuộc, là trí thức. Như thầy Tài già, lông mày đã bạc trắng, khi tôi đang học lớp Supérieur tương đương lớp 5 bây giờ, thầy Tài đã dạy lớp ba (Préparatoire), thầy Ngói, từng giảng dạy lớp 5,

thầy Miên, là thầy giáo trường Tiểu học Biên Hòa (Ecole primaire complémentaire Indochinoir)... Chỉ có lũ trẻ chúng tôi là dân tay ngang, tuy cũng có học gọi là trong thời ấy. Nói chung, vì xuất xứ của cán bộ giáo dục như thế, nên chúng tôi được coi là trí thức mới, trí thức cách mạng, giai đoạn đầu của cách mạng dân tộc dân chủ, được nể trọng, cất nhắc mạnh dạn. Mười bảy tuổi, tôi được giao Trưởng Ban giáo dục huyện Tân Uyên, Hiệu trưởng trường Tiểu học kháng chiến huyện Tân Uyên. Mười tám tuổi, tôi được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương (Thời ấy, đảng viên ba nước Việt Nam, Miên, Lào là một đảng thống nhất, một ban chấp hành Trung Ương). Không phải riêng tôi, mà nhiều thanh niên có học thời ấy đều thế cả. Nói thêm là thời ấy, có sự tranh chấp vai trò lãnh đạo kháng chiến của bộ phận Đảng Dân chủ trong hàng ngũ cán bộ trí thức ở các bộ phận Giáo dục, Y tế, Văn hóa xã hội. Cũng có thể một phần do tình thế ấy mà lứa thanh niên trẻ có học chúng tôi được Đảng cộng sản đặc biệt chú ý, phải nói là mạnh dạn kết nạp. Mặc dù lúc tôi được kết nạp vào Đảng là giai đoạn Đảng tạm thời rút vào bí mật... Nhiều bậc đàn anh từng tham gia trước năm 1945... cũng được xem xét kết nạp lại, kết nạp chính thức vào các năm 1947 - 1948.

Bộ máy giáo dục tỉnh Biên Hòa kháng chiến phải nói là mạnh, hăng hái, vượt được nhiều thử thách lớn trong giai đoạn đầy khó khăn ấy, trung thành với lý tưởng cách mạng, với sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương (sau là Đảng cộng sản Việt Nam). Ban tu thư soạn sách giáo khoa của Ty được thành lập,

có các thầy giàu kinh nghiệm giảng dạy như thầy Tài, thầy Ngói, thầy Hoàng Thơ (Trần Hiếu Thuận) và vài cán bộ trẻ chuyên viết bản li tô, bản in bột, in xu xoa, cả in bằng sét. Các thầy rút ruột soạn sách giáo khoa cho cấp I, cấp II. Cũng gởi mua được ngoài thành ít sách giáo khoa như toán, lý, hóa...

Cả tỉnh được phát động thi đua xóa nạn mù chữ theo chủ trương của Bác Hồ : Chống giặc Dốt, giặc Đói, giặc Ngoại xâm. Đêm đêm, khắp rừng già, râm ran tiếng học bài : I, tơ, tờ i ti... Khắp các lối mòn len lỏi giữa rừng chiến khu, ngã ba quan trọng, đều có đội chống nạn mù chữ của Ty Giáo dục, Giáo dục huyện chúng tôi đặt nong, nia, bảng gỗ. Người đi đường, muốn qua các ngã ba ấy, đều phải đọc được các chữ viết sẵn trên các nong, nia, bảng gỗ. Lực lượng trẻ nít, học trò tiểu học là nòng cốt chính trong công tác chống nạn mù chữ ấy. Ở Ty, từ thầy Trưởng Ty Hoàng Minh Viễn đến Phó Ty Lê Văn Đông, các thầy Tài, thầy Đỏ, thầy Ngói..., ngoài giờ gò lưng soạn bài giảng dạy, in ấn, đều cùng thầy Viễn sục khắp rừng chiến khu, cả các xã tạm bị giặc chiếm như Tân Ba, Bình Chánh, Thái Hòa, Thạnh Hội, Tân Hạnh. Tất nhiên là khi Trưởng Ty và các thầy lớn tuổi đi các vùng nguy hiểm tôi phải theo hộ tống. Vì dù sao, tôi vẫn là thổ công, quen thuộc đường đi lối lại, qui luật phục kích, tuần tra của giặc. Nhiều lần, tôi và thầy Hoàng Minh Viễn, Phạm Tiến vượt sông Đồng Nai ban đêm lườn xuống chiến khu Bình Đa, Bến Gỗ, phải qua nhiều con lộ chúng thường phục kích. Một lần, chúng tôi vào tận chợ Bến Gỗ vào sáng sớm để tổ chức Ban giáo dục xã, phổ biến kế

hoạch chống giặc dốt của Ty giáo dục. Nơi hội họp chỉ cách đồn địch vài trăm mét. Thế mà anh thanh niên được cử làm Trưởng ban giáo dục xã thét lệnh chào cờ to đến cả làng cũng nghe. Rồi vung tay phải dúi lên thái dương, nẩy bụng về phía trước, cứng người lại... khiến tôi không sao nhìn được cười...

Nhiều lần bị đói, tôi phải tiếp thầy Hoàng Minh Viễn và đoàn kiểm tra Ty Giáo dục bằng muối bẫy món với vài cọng khoai mì bào nhỏ, trộn một rổ đầy rau lang, đọt bứa. Đó là sáng kiến của cậu Nhiều nuôi quân của giáo dục huyện chúng tôi. Cậu cứ cho muối vào lon, đặt lên bếp, cầm que củi rừng đảo qua đảo lại, mùi muối cháy khét dù sao cũng khêu gợi dạ dày...

Đêm lễ công bố "Mừng công chiến thắng giặc dốt xã Thái Hòa" tổ chức tại khu rừng chồi suối Vịt, cách quận lỵ Tân Uyên vài cây số. Đồng bào các xã lân cận, nhất là dân chiến khu kéo xuống tham dự rất đông. Có đoàn thanh niên tuyên truyền xung phong Trường Tiểu học kháng chiến huyện Tân Uyên trình diễn nhiều bài hát được yêu mến, có cả ca vũ kịch... cũng do các em đảm nhận. Em Cúc A, Cúc B, Sâm đầu đội mũ calô kaki ăng lê có gắn ngôi sao vàng viền đỏ, quần áo quân đội thời ấy. Các em Trương Đình Cát, Huỳnh Văn Bình có giọng hát ấm, vang, được pha chế bằng nhiều cách điệu... cuối cùng là màn ca kịch 'Bác Hồ Chí Minh' được đồng bào hào hoan hô nhiệt liệt. Thầy Tô Bá Hùng sắm vai Bác Hồ, phải nói là rất đạt. Trong xã được tuyên dương thành tích "chiến thắng giặc dốt" đầu tiên của tỉnh, của Khu Bảy, có các anh sau này đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng của Đảng,

Nhà nước, như anh Luông, tức anh Sáu Phát, Bí thư Tỉnh ủy Sông Bé, Bình Dương nhiều nhiệm kỳ, lúc ấy là cán bộ đoàn thể Nông hội huyện Tân Uyên.

Năm 1950, tôi được xuống rừng U Minh theo học trường Trung học kháng chiến Nguyễn Công Mỹ trong hai năm. Sau ba tháng trời hành quân vượt hàng trăm đồn bót giặc, vượt nhiều sông bạc đầu, nhiều cầu giẫm kỹ, đồng chó ngáp, chúng tôi cũng đến được xã Nguyễn Phích, Rạch Chệt, địa điểm của Trường Trung học kháng chiến Nguyễn Công Mỹ.

Người tôi gặp đầu tiên khi đến trường là thầy Hoàng Minh Viễn (Thầy Năm Ngũ) đang bơi lội, lặn mò cá ở rạch Chệt, là cái bến của trường. Trời đất, sao kỳ lạ thế này? Thầy Viễn đang là Trưởng ty Giáo dục tỉnh Biên Hòa của tôi kia mà?

Thầy tươi cười như hôm nào, sải tay vệt từng đám lục bình, lặn xuống sâu, lại nổi lên, bảo:

- Sự đời mà chú em, lạ gì? Mình được Nha giáo giáo dục Nam Bộ điều cấp tốc xuống đây tăng cường đội ngũ giáo sư, giảng dạy, quản lý trường.

Và thầy chỉ ngôi nhà lá chồm trên mặt rạch Chệt nước đục ngầu màu lá trà và cỏ mục U Minh quanh năm:

- Nhà mình đây. Cũng khá hơn chòi ở chiến khu Đ hả? Tự làm lấy thôi. Mai mốt, các cậu cũng phải vô rừng U Minh chặt trà làm cột, rui mè, kèo, vách phen, chặt lá dừa nước lợp mái trường, thưng vách... Miệng nói, tay quơ lục bình, rong rêu ú lên ụ đất trước

LƯỢM CÁI HOA RƠI

thêm nhà, lại lặn xuống rạch sâu, trồi lên, miệng cắn một con tôm hùm bằng cổ tay, bảo tôi:

- Chiều nay thầy trò chiến khu Đ mình có cái nhậu hả? Nhớ lúc ở suối Sâu... Lại nhớ ông bạn già Ba Trợn Ba Trao...

Học sinh trung học bình dân chúng tôi gồm đầy đủ hai mươi một tỉnh củ của đất Nam Kỳ lục tỉnh, mấy ngày đêm liền hò nhau vô rừng U Minh bên ven kênh Dêrô đốn cây tràm, kết bè kéo về dựng trường. Quần áo ướt đầm. Một bước là nước, là lầy, là kênh rạch chằng chịt, đất đỏ rừng đại ngàn miền Đông chúng tôi rất khó chịu cảnh nhóp nhép, muỗi mòng, cầu khỉ lắc lẻo, thuyền bè... Có bạn ở tận đảo Phú Quốc vượt biển vào học, suốt ngày ngồi chò hỏ bên đồng un khói trừ muỗi, khoe đảo giàu, đẹp, hột tiêu rải đầy đất đảo, nước mắm Phú Quốc ngon nhất nước... Dân miền Đông chúng tôi chỉ khoe cái đói, cái khổ, và rừng đại ngàn, các loại thú... Ấy thế mà được học sinh các tỉnh Đồng Tháp Mười, U Minh giàu có nể phục mới lạ. Lớp trưởng, lớp phó, Bí thư chi bộ, họ đều giao cả cho dân "rừng rú" chúng tôi.

Các thầy Trường Trung học khóa ấy phần nhiều là thầy giáo trung học nhiều năm ngoài thành, giảng dạy nhiều năm, được tin nhiệm. Có người bị bể do cơ sở hoạt động thành sơ hở, nhảy vào chiến khu. Có người chán ngán cảnh sống nô lệ, bị kìm kẹp gắt gao ở thành thị, tìm nơi ở có không khí tự do ở U Minh, Đồng Tháp. Có người vì mến mộ các thầy, bạn bè, các giáo sư trí thức như thầy Hoàng Xuân Nhị, thạc sĩ triết

học từng giảng dạy triết học tại Đức, nhiều năm giảng triết học tại Pháp. Có thầy rất giỏi về lý, toán, hóa như thầy Hoàng Xuân Bình, thầy Chí, thầy Chỉ, thầy Hoàng, thầy An, thầy Triết, thầy Đạo, thầy Hanh. Thầy Hoàng Minh Viễn vừa làm quản lý, vừa phụ trách môn chính trị, công dân, đạo đức học... Mùa nước lên, các rạch, kênh chung quanh tràn ngập vườn tược, nhà trường. Trò ngồi chồm hổm trên đầu các cọc gỗ, thầy xắn quần quá gối, đứng giảng bài cả buổi bên đông un muỗi mọt mù khói. Say mê giảng, say mê nghe một tí, nhìn xuống hai bàn chân, hai ống quyển, mẹ ơi, vàng khè, như da bò: Hàng trăm con muỗi U Minh cắn vò hút máu, bụng đỏ máu. Phòng soạn bài, chấm bài của thầy về sau phải quây màn. Nếu vô ý để chạm tay chân vào vách màn, lập tức có hàng trăm con muỗi chích chuyền máu cho nhau, Đêm, đàn heo tự túc của trường phải ủ đầy lá chuối. Nếu để trần, rọi đèn, thấy toàn muỗi no máu khắp thân thể heo.

Học sinh chúng tôi phân chia thành nhiều tổ tự túc kiếm thêm cái ăn, gạo cho nhà trường. Ngay cả giáo sư hiệu trưởng Hoàng Xuân Nhị, giáo sư Hanh “Mèo già hóa cáo. Rắn ráo già hóa lươn” cũng đốt đèn đặt ống trúm lươn giữa rừng dừa nước. Kiếm cá, lươn, rau cỏ ở xứ này không khó. Học sinh miền Đông “gian lao mà anh dũng” chúng tôi coi chuyện ấy như cỏ rác. Múa tay một lát, đã có nửa ghe cá do chúng tôi mò bắt chỉ bằng hai bàn tay trắng dưới kênh rạch giữa rừng U Minh. Cá bé bé, bỏ. Cá to hơn cỡ tay, mới chụp gọn cho vào xuống. Phân công một cậu đốt lửa bên bờ kênh, lựa những con cá lóc gộc độ hai ký lô quăng vào nướng

trui, chấm với muối. Vừa nhai cá nướng vừa thò tay xuống nước mò cá, như bắt cá rọng trong lu nhà vậy. Ngày nay, nói ra chuyện cá mắm ở Đồng Tháp Mười, U Minh, khó tin. Nhưng, đó là chuyện thật thuở ấy. Bị dân U Minh thách thức, tôi và Phạm Tiến, thầy Hoàng Minh Viễn chống ghe ba lá vượt sông Trẹm qua rừng U Minh, hai tay mò một buổi sáng, được gần nửa ghe ba lá các loại cá. Có ai tin được chuyện gần như huyền thoại ấy không?

Bùn lầy quanh năm, quần chân tay, tôi và thầy Hoàng Xuân Bình hô hào moi đất bên bờ rạch Chệt đắp thành một sân bóng chuyền. Nhưng, nước ngấm quanh năm, mưa lê thê, cái sân bóng chuyền của tôi và thầy Hoàng Xuân Bình thành bãi lầy. Đánh bóng chuyền mà bùn, lầy ngập tận nửa ống chân. Quả bóng quánh bùn, đất sét, nặng gần nửa chục ký lô. Loạng quạng, bị đối phương đập một cú đi - réc ngay mặt, chỉ có ngất. Ngày ấy, thầy Hoàng Xuân Bình còn rất khỏe, rất trẻ, lại là dân ham thể thao, có những cú đập đi - réc, tôi phải nhảy tránh xuống ao.

Ngoài giờ lên lớp, thầy Hoàng Minh Viễn chỉ ham bắt cá, hái rau má, sửa lại nhà cửa chuẩn bị đón vợ, con vô. Thầy đã làm sẵn hai lu mắm nêm ngoài vườn dâu, vườn dừa của Bà Nội, cạnh nhà chú Hai có cô con gái chưa chồng tên là Ấu. Về sau, một bạn học của tôi lấy cô Ấu, đám cưới được tổ chức chu đáo giữa vườn dâu, vườn dừa của Bà Nội.

Rồi vợ, con thầy Hoàng Minh Viễn được vô rạch Chệt. Gặp lại nhau, chị Năm và chúng tôi chỉ có lau

nước mắt. Lúc còn ở chiến khu Đ, thỉnh thoảng chị mới được rước vô chiến khu thăm anh Năm Viễn.

Cùng về đây với chị, có các cháu của thầy Viễn còn nhỏ như: Cô Dung, cháu Quế, Thanh, Mỹ... Các cháu hãy còn nhỏ, thích chạy nhảy quanh bờ rạch, ra khu vườn hoang của Bà Nội nhìn ngó những chùm trái dâu tây, nhãn, và dứa.

Chủ nhật hoặc đêm rảnh, tôi và Phạm Tiến, Trì, Năm Y... dân miền Đông thường ra nhà thầy Viễn, chuyện trò tới khuya bên nồi cháo cá có rau bông súng, rau dứa và rau má mọc đầy vườn.

Sau khóa này, chúng tôi lại trở về miền Đông chiến khu Đ. Năm sau, tôi và Phạm Tiến xung phong nhập ngũ theo lời kêu gọi của Đảng, vì cuộc kháng chiến miền Đông đang lúc đen tối. Đảng viên phải gương mẫu, hy sinh chiến đấu vì độc lập dân tộc.

Sau hiệp định Giơneo 1954, chúng tôi xuống tàu tập kết ra Bắc tại bến sông Ông Đốc. Sau ba năm làm lính thông tin ở Lào, tôi được điều về sư đoàn 338 của Thiếu tướng Tô Ký đóng ở đồi trọc Xuân Mai Hòa Bình, Chi Nê. Rồi tôi được điều về thành lập Điện ảnh quân đội, về sau là Xưởng phim quân đội, đóng ở 17 Lý Nam Đế Hà Nội.

Quả đất tròn. Tôi lại gặp lại thầy Hoàng Minh Viễn và các cháu. Lúc này, thầy Hoàng Minh Viễn đang được Đảng điều sang phụ trách Cao Đài Việt Nam, thay cụ Cao Triều Phát Chưởng quản cử trùng đài Đại đạo Tam Kỳ phổ độ mười hai phái hiệp nhất, trụ sở

đóng tại đường Lý Thường Kiệt. Đây là một nhiệm vụ quan trọng trong Mặt trận đoàn kết Tổ quốc Việt Nam. Trong chín năm kháng chiến chống Pháp do hoàn cảnh lịch sử, do âm mưu của thực dân xâm lược Pháp, mâu thuẫn giữa các đạo giáo, tôn giáo ở Nam bộ có lúc sâu sắc, xung đột vũ trang đổ máu nhiều năm. Cụ Cao Triều Phát, Chương quản Cửu trùng dài đại đạo Tam Kỳ phổ độ mười hai phái hiệp nhất đã giữ được sự đoàn kết, phần lớn đạo hữu theo kháng chiến, vì dân tộc, vì đất nước. Khi cuối đời, thầy Hoàng Minh Viễn được Đảng giao nhiệm vụ quan trọng ấy.

Nhiều lần, sau khi đi làm phim chiến trường, các trọng điểm đánh phá dữ dội của máy bay Mỹ trên miền Bắc, tôi đến nhà thầy Viễn ở đầu đường Quán Sứ Trường Thi thăm thầy, các cháu đang theo học đại học. Còn vài cháu ở lại Nam cùng chị. Thực ra, ngày ra đi tập kết, ai cũng ngỡ chỉ hai năm xa cách thôi. Hai mùa lúa chín là trở về đoàn tụ theo ký kết của hiệp định Giơneo 54. Nên, gia đình nào cũng tình trạng kẻ ở người đi. Đi cũng vinh quang mà ở cũng vinh quang. Ai ngờ...

Hoàn thành nhiệm vụ quan trọng về Đạo Cao dài yêu nước, thầy Hoàng Minh Viễn được điều về Giáo dục, tiếp tục sự nghiệp trồng người cho đến ngày chiến thắng lịch sử Xuân 1975. Thầy được trở về quê, đã gần tám mươi tuổi, gặp lại chị Năm, cháu Trương Dung tại thành phố Biên Hòa mới giải phóng. Lại được giao lập trường sư phạm ở Thủ Đức, năm, bảy năm nữa. Giai đoạn này, tôi còn ở Xưởng phim quân đội, phải đi làm phim đánh giặc PônPốt ở Campuchia, rồi làm phim

đánh quân bành trướng ở sáu tỉnh biên giới phía Bắc, nên ít khi được gặp thầy...

Những lần ngành giáo dục kháng chiến họp 'truyền thống' ở Sài Gòn, tôi, Phạm Tiến giờ là giáo sư về Rừng ở đại học lâm nghiệp 4, Năm Y giờ là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Đồng Nai, Thanh Liêm là Phó giám đốc Sở giao thông vận tải Sông Bé và các em học sinh trường tiểu học kháng chiến Tân Uyên như Cúc A, Cúc B, Trương Đình Cát, Huỳnh Văn Bình là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Lê Ngọt, Phó Thống đốc ngân hàng Việt Nam, Lê Hữu, nguyên giám đốc Công ty xuất nhập khẩu Sông Bé, Mười Cao thượng tá công an Đồng Nai... và nhiều em khác, nhiều thầy giáo năm xưa được gặp lại nhau sau ba chục năm trời xa cách. Lao vào hỏi han tin tức thầy trò xưa, ai còn ai mất, ai thành, ai bại... Trong những buổi gặp gỡ lịch sử như thế, hình ảnh Bà Nội Rạch Chệt, dòng sông Tàu, dòng sông Trẹm, con kênh Dê rô và khu vườn các trường Sư phạm tiểu học Nam Bộ tôi theo học năm 1949, trường trung học bình dân Nguyễn Công Mỹ sống lại mãnh liệt, trước mắt thầy trò chúng tôi. Thầy Hanh lụm cùm, da mồi, tóc bạc trắng. Thầy Chỉ vẫn còn tham gia công tác ở Sài Gòn. Thầy Đạo đã bị kẻ thù sát hại... Thầy Phối biến mất. Thầy An dạy văn chúng tôi, giờ vẫn vui vẻ, trẻ, nhưng lại quá gầy gò, khắc khổ. Đón nhận các tác phẩm văn học của tôi sáng tác từ ngày xa thầy đến nay, thầy rất xúc động, bảo nhỏ: Lúc ấy, chúng mình đã thấy năng khiếu sáng tác văn chương của Bốn qua mấy vở kịch Bốn sáng tác cho nhà trường diễn lúc khai mạc, bế mạc, nhất là vở "Nàng Mỹ Lệ đi

tìm chồng" do cô Mãnh tóc nâu thủ vai nàng Mỹ Lệ, Bốn thủ vai tên Tây tàn bạo... Chị Mỹ Lệ khóc hết nước mắt vì vở kịch của Bốn. Trong kháng chiến chống Mỹ, chị Mỹ Lệ làm đến Tỉnh ủy viên Tây Ninh, chẳng may bị chúng bắt, tra tấn dã man quá, khuôn mặt chị ngày nay giống hệt mặt trung úy Đờrê mốp trong vở kịch "tính cách dân Nga" do Bốn cải biên... Tội nghiệp. Số phận cả thôi. Ngày ấy, có ai ngờ.

Thầy Hoàng Minh Viễn được hai học trò xưa xốc nách dìu từng bậc thang lên đến tầng bốn, thở hổn hển, lập bập, tay chân run rẩy, miệng móm mém. Chúng tôi vây quanh thầy, mỗi người một chuyện kể lại chặng đường rất dài, rất gian khổ... trong ba mươi năm qua. Thầy lắng nghe, im lặng, đôi mắt rất sắc năm xưa đã đục ngầu...

Đến lúc chia tay, thầy bảo nhỏ tôi: Bảo Sở giáo dục Đồng Nai nhớ tới bọn già mình một chút. Chẳng cần tiền bạc, của cải gì đâu. Chỉ cần cái tình thôi, như ngày xưa chúng mình sống với nhau giữa rừng đại ngàn chiến khu Đ, giữa các anh Tám Nghệ, anh Sáu Cửa chủ tịch tỉnh, anh Thái phó chủ tịch tỉnh, anh Cao Văn Bồ tỉnh đội trưởng, anh Ba Thuận Bí thư Tỉnh ủy... Ngày ấy, bên bờ suối Sâu trước quán Ba Trợn, trời ơi, phơi phới, Bốn nhỉ? Mình đã chín mươi rồi. Chị Năm vẫn mạnh khỏe. Các cháu vẫn sống được. Đứa nào hy sinh, đã hy sinh rồi. Đứa nào bám được, vẫn phải bám... Nhớ quán Ba Trợn, nhớ suối Sâu, nhớ rừng Mỹ Lộc, Đất Cốc, các xã ven sông Đồng Nai quá, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An, nhớ xóm Đạo ở Tân Nhuận, dốc Tổng Ngãi... Vậy là anh Tám Nghệ đã qua

đời, sớm quá, Bổn nhỉ, như áng mây bay... Bổn cũng
bộn tuổi trời rồi, đã viết được rất nhiều về chiến khu
Đ, về miền Đông mình, về cái làng Bình Long quê mùa
của tụi mình với Lý Văn Sâm... Cám ơn, cám ơn Bổn...
Ráng cầm bút, Bổn. Được trang nào mừng trang ấy...-
Và, lâu lắm, mới nghe lại cái giọng hài hước của thầy-
Mấy năm nay, Nam Tào sai Thần chết vác búa đi tìm
mình khắp Nam, Bắc, nhưng vì không nắm chắc tên
mình là Năm Ngũ hay Hoàng Minh Viễn, nên chả vác
búa trở về, than thở: “Mấy cha nội này, có lộn sổ sống
thêm vài chục năm nữa, cũng chẳng hại ai. Kệ tía
nó...”

CHÍN ĐÌNH (VÂN PHONG)

Bây giờ, hồi nhớ lại, đó đúng là một thanh niên hào hoa từ cách ăn nói, tác phong hàng ngày cho đến dáng dấp đi, đứng.

Trong chuyến trở về chiến khu thăm mộ nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ, tôi gặp lại anh ngay trước mộ anh Nghệ. Bàng hoàng quá, vì, ba chục năm trời xa cách, tôi hầu như không được tin tức của anh. Qua đài, báo, qua các đoàn người từ Nam ra Bắc trong những năm chiến tranh, chẳng một ai biết gì về anh. Có thể anh đã hy sinh, tôi thầm nghĩ. Trong số cán bộ giáo dục Biên Hòa, Tân Uyên chín năm chống Pháp, anh là một trong những người hầu như thanh thản, vô tư, làm nhiều việc.

Khoảng năm 1946, chúng tôi phải theo học một khóa y tế do Ban xã hội tỉnh Biên Hòa tổ chức trong ba tháng tại xã Tân Tịch quê anh cũng là quê của anh Tám Nghệ. Lớp học do anh Sáu Trường Sinh phụ trách, có chị Ngọc Tương, các thầy thuốc từ ngoài thành vô giảng dạy. Thầy Sáu, Nguyễn Trường Sinh, trưởng ban xã hội tỉnh, là con của dượng tôi ở xã Tân Huệ, cùng

làng với anh Trần Bạch Đằng, thiếu tướng Quân khu Nam Phòng, Thứ trưởng Bộ Thương binh và xã hội và thiếu tướng Hai Dấu Tỉnh đội trưởng Biên Hòa, Đồng Nai...

Sáu Sinh là người có học, có dáng dấp, tác phong tiểu tư sản, hoạt bát, nhanh nhẹn. Tức nhiên anh vẫn có cảm tình nhiều với những người có học, có dáng dấp thành thị như Chín Đình, Nhị Nguyên, trưởng Ban xã hội huyện của tôi. Năm ấy, Chín Đình đã có vợ sinh sống tại xóm Vườn bên sông Đồng Nai, trước nhà anh Tám Nghệ. Chín Đình cùng chúng tôi lặn lội các xã vùng rừng đại ngàn, đói, sốt rét hoành hành, đã tổ chức học bình dân học vụ, tổ chức chống nạn mù chữ, tổ chức trường lớp tiểu học từ lớp 1 đến lớp 3.

Tuy có dáng dấp thư sinh, tiểu tư sản thế, nhưng Chín Đình khiến chúng tôi vô cùng ngạc nhiên, vì anh chịu đựng được mọi cuộc đói, sốt rét, bị lạc giữa rừng già, phải nhiều tháng, ngày sống với đồng bào thiếu số miệt Tà Lài, các xã giáp Campuchia thuở ấy chúng tôi gọi là Miên.

Trong khóa y tế, anh là tổ trưởng của chúng tôi. anh thuộc nằm lòng tên các loại thuốc (thực ra thì không có nhiều), anh dám cắt đứt ngón chân cái bị sâu Quảng của ông già nông dân chiến khu. Tôi và cô Thanh Hậu, Thanh Hóa, Thanh Tao run bần bật. Còn anh, anh cầm dao (pítstorie) khứa khoanh đốt lất lẻo ngón chân cái, cầm dầu ngón vắn treó cho dứt lìa trong khi ông già kêu cha kêu mẹ, mồ hôi đầm đìa nhét cả mái tóc đẹp của cô Thanh Hậu vào miệng, để trừ cái đau.

Thanh Hóa, Thanh Tao xúm lại gỡ mái tóc đẹp của Thanh Hậu khỏi hàm răng chắc của bác nông dân, trong khi dưới đầu đốt xương chân cái đám dòi từ trong xương bác bò lổm ngổm, những con dòi có lông gớm giếc.

Vài ngày sau, bác nông dân cà nhắc cái chân tìm đến cảm ơn tổ y tế chúng tôi, nhất là Chín Đình: Đêm, bác ta ngủ yên giấc, không bị lũ dòi rọ rạy, hút máu trong các ống xương chân nữa. Bác lại khoe cùng chúng tôi, vì bác ở gần nhà Chín Đình từ ngày bé:

- Chín Đình giỏi lắm. Chuyện gì cần, chú nó có thể làm được hết. Cái nghề thợ mộc, đóng tủ thờ khó đến vậy mà chú ấy muốn đóng là vô rừng Mỹ Lộc, Đất Cuốc tìm hạ vài cây trắc, cầm lai nhờ trâu kéo về, tự cưa xẻ, bào, đục, mực kẹp khít rịt...

Cuộc sống "du canh du cư" của cán bộ kháng chiến chúng tôi, rày đây mai đó. Hết rừng Mỹ Lộc, lại rừng Đất Cuốc, Thường Lang, dốc Tổng Ngãi gần Tổng hành dinh của anh Tám Nghệ. Có tháng, chúng tôi phải lặn lội tận xã Cộng Hòa, Sông Bé. Những chuyến đi như thế, mỗi người chỉ một túi vải nhỏ xíu, một bộ quần áo, gọi là bộ nghiêm, bộ nghỉ. Xuống suối tắm tấp, làm bộ ham nước, cho bộ quần áo độc nhất giăng trên bụi rậm kịp khô, mới vọt lên tròng vào. Khổ nhất là các cô gái như Thanh Hậu, Thanh Tao, Thanh Hóa, Thanh Huyền... Cũng theo cách của chúng tôi: Các cô tìm chỗ suối vắng, cởi trút quần áo lội ào xuống trằm mình giữa lòng suối, bơi lội đến chỗ kín hơn, vọt lên vắt nhanh quần áo lên cành cây, tiếp tục bơi lội,

mò cá, đùa nghịch nhau, chờ bộ quần áo kịp khô... Cũng có khi các cô đuổi bắt được vài con cá trào, cá trắng, kêu la í oái, khoe um giữa rừng. Nhưng, cánh con trai chúng tôi đâu có dám chạy đến chia vui. Cũng có vài lần bị hố. Nghe các cô cười tươi, khoe rớt rít nào con cá lớn quá, đầu có rông, liền chạy đến: Đâu đâu? cá đâu?- Bỗng dưng các cô hai cánh tay trần ôm ngực, lại buông nhanh ôm phía dưới bụng trắng hếu, mặt đỏ phừng, chạy nhào xuống suối sâu. Còn anh Nhị Nguyên, Chín Đình và tôi? Đến lúc ấy mới giật mình, kêu trời kêu đất chạy nhào trở lại chỗ cũ, a tầm phù lao xuống suối... cũng may, không phải một người. Mà đến ba người chúng tôi.

Đêm, tìm chòi cũ nào đó giữa rừng, cả đám chui vào, gà gât. Con trai tùm một góc. Con gái tùm một góc chòi. Cạp qua loa vài củ khoai sắn nướng, hoặc khoai sống cho qua cơn đói, vậy là ôm choàng nhau ngủ say. Phân chia ranh giới thế, nhưng có đêm giật mình choàng dậy, vì bị chân ai đó đè ngang ngực, không sao thở được. Mắt vẫn nhắm nghiền, đưa tay sờ soạng xem chân ai để quất một trận, mẹ ơi, nào ngờ là cẳng chân thon lỏn. Chết rồi. Nhẹ nhàng ngồi dậy, gác nhẹ cái chân ai sang bên, ra tảng đá gần suối, dầm ánh trăng sương, ngủ tiếp. Cũng có đêm, có tin cạp ba móng hoạt động gần đó, lũ con trai chúng tôi nằm vòng ngoài, đám con gái họ Thanh nằm lọt thỏm chính giữa, đặt sẵn mấy cây nứa vạt nhọn chung quanh, giao Chín Đình chỉ huy khi cạp ba móng tìm đến. Đình bảo: "Cứ ngủ đi, không sao đâu. Có Chín Đình, không có cạp ba móng."

LƯỢM CÁI HOA RƠI

- Còn nếu có cọp ba móng? - Tôi hỏi lại.

- Thì coi như không có Chín Đình.

Nói vậy thôi, chứ đêm đó, Chín Đình thức trắng vì cái nhiệm vụ "Có Chín Đình, không có cọp ba móng". Một lần khác, đang ngủ say, bỗng ai đó la hoảng: "Cọp, cọp". Vậy là cả đám trai gái chúng tôi cùng các thanh niên, phụ nữ cơ quan cạnh nhau nhắm mắt nhắm mũi đập thùng thiếc, há miệng gào lạc giọng: "Cọp, cọp!". Nổi lửa lên, thấy Thanh Tao lủng lủng dưới cầu thang, vạt áo bà ba bay bay trong ánh lửa. Thanh Hậu loanh quanh đóng lửa, cứ đập bán mạng cây xuống đóng lửa cho bụi lửa bay tung lên. Nhị Nguyên thủ cây nứa, nhưng đầu vạt nhọn lại chĩa ra phía anh em mình. Chỉ có Chín Đình, vẫn tỉnh táo hơn, miệng suýt tay đưa lên cao ra hiệu im lặng:

- Nó mới chạy ra chỗ kia thôi. Bình tĩnh.

Có tiếng loạt soạt xa dần. Có thể cọp ba móng tìm "thăm" chúng ta thật. Mới hôm qua, nó đã chụp một chú bộ đội của anh Tám Nghệ, mặc cho súng FM đầu bạc, lựu đạn nổ âm âm, nó vẫn không bỏ chú bộ đội lại. Lại là cán bộ đại đội, mới tức chứ. Chín Đình nghiên cứu ra:

- Thường thường, anh em chiến sĩ nằm vòng ngoài canh gác cho cán bộ nằm giữa. Nhưng thế võ của cọp là thế nhảy chồm lên cao chụp xuống nên theo đà nhảy, nó chụp người nằm xa hàng rào, tức nằm giữa.

Nghe thế, từ đó, đêm nào các cô gái họ Thanh cùng bắt Chín Đình nằm xa, xa hàng rào. Chín Đình

gục gặc đầu, cười: "Được. Được!", sẵn sàng nhận phần nằm phơi người xa hàng rào.

Nhiều ngày bị cái đói hành hạ, Chín Đình dẫn chúng tôi mò ra bờ sông Đồng Nai, ngay sân nhà anh, bẻ dừa uống nước trừ cơn, moi ít đậu xanh, gạo nấu xôi, lại làm thịt cả gà cũng không biết gà nhà ai.

Nhị Nguyên có tài làm thịt gà rất nhanh. Lúc xuống bến sông rửa gà, bất ngờ bị nhiều loạt đạn từ bờ bên kia bắn sang. Nhị Nguyên xách con gà chạy thực mạng lên bờ, quăng vô nồi, nồi lửa. "Mấy cái thằng Việt gian ở bót Cây Đào chó đẻ. Được rồi, lúc khác sẽ nói chuyện với chúng nó.". Nhị Nguyên là bạn thân của anh Quảng Nam Phòng, lúc ấy là đại đội trưởng đại đội Vĩnh Cửu, đánh giặc ngon lành. Bị thương, Nhị Nguyên chuyển về Ban xã hội - Giáo dục huyện Tân Uyên... Nồi xôi gà vừa chín tới, cả trai gái chúng tôi lao vào bới mỗi người một bùm, nóng đến méo mặt, nhưng đâu dám bỏ xuống lá cây. Tranh giành, cười nói ồn ào một lúc, nồi xôi bốc hơi bị lật nhào, tro bốc mù bếp. Mặc, mạnh ai nấy bốc đầy tay, ngón nghiêng cho qua cái đói, tính sau.

... Thế mà ba mươi năm qua, tôi và Chín Đình mới được gặp lại nhau. Gặp lại ngay nền nhà anh Tám Nghệ, đối diện mảnh vườn xưa của Chín Đình. Giờ đây, Chín Đình gầy gò, da sạm đen, tóc hơi quăn, dáng đi lòng khòng. Mảnh đất nơi ngày xưa trai gái giáo dục Tân Uyên chúng tôi tranh nhau ít xôi gà chống đói, giờ đang mùa nắng lửa mưa dầu. Khô quất. Vài cây chuối

LƯỢM CÁI HOA RỜI

lá khô, còi cọc. Sau hè nhà, là bờ con sông Đồng Nai với biết bao kỷ niệm êm đềm cùng chúng tôi.

Cái chòi của Đình trống trước trống sau, chẳng vách phen gì. Gió thông thoáng, cả tiếng rì rào triền miên của dòng sông. Sau khi hái han nhiều thứ, Đình trèo lên chuồng cu mang xuống vài miếng mít chuối, vài cái kẹo dừa chảy nước. Đâu rồi hình ảnh đẹp của chàng thanh niên tài hoa của chiến khu Đ, của ngành giáo dục huyện Tân Uyên chúng tôi.

- Sau chuyển được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ dẫn mấy trăm em học sinh trường tiểu học kháng chiến Tân Uyên mình, hàng trăm cháu gia đình liệt sĩ, cách mạng... theo đường công khai ngoài thành thị xuống Cà Mau, tìm được bến tàu tập kết Chắc Bông giao nhận để các em được lên tàu tập kết ra Bắc, mình lại trở về Biên Hòa, chiến khu Đ quê mình. Lúc ấy, anh Hai Định ở Tỉnh ủy đã được chuyển địa bàn hoạt động. Anh Tám Nghệ cùng toàn bộ cán bộ, chiến sĩ 310, bộ đội địa phương, đảng viên... đều cấp tốc hành quân xuống Hàm Tân, Xuyên Mộc tập kết ra Bắc... Buồn quá, đau quá. Chẳng biết tại sao lại có tình hình kẻ đi người ở oái oăm thế này? Ai vô đây bảo đảm sau hai năm nắm cái chính quyền này, chúng nó chịu hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà? Đình lúc lắc mái đầu tóc thưa và muối tiêu, hai má đã lõm vào, xương vai nhô cao, nhọn hoắt. Giấu nhem vợ con, mình lang thang vô định từ đây vô tuổi Sáu, Nhà Nai, Dấp Lặc, lên tận Mã Đà... cũng chẳng biết để làm gì, tìm gì? Trời, ông không thể nào hình dung được tâm trạng tui tôi kẻ ở lại những ngày ấy đâu? Một cái hốc

Bưng Trầu cũng gợi nhớ ngày mấy anh em tụi mình cùng các cô gái họ Thanh bị giặc bao vây đói nhần rã, đêm lên xông ra giữa cánh đồng cầm dao xẻ thịt trâu bị chúng bắn chết. Mỗi đứa một cục thịt trâu bắt đầu thúi, bảo ông Chín Lê Công Hoành và các cô gái họ Thanh rằng đây là thịt nai... Một bến suối Sâu vắng tanh vắng ngắt, bắt đầu um tùm cỏ dại, cây bù xít cũng gợi ở tâm hồn mình biết bao đêm ngày đói, rét, nhưng hết sức vui vẻ, đẹp đẽ khi cầm dao phát rẫy trồng lúa, trồng khoai, đi bắt ổ ong mật, đi săn khỉ... Trong ánh trăng đêm lạnh tê tái ấy, chỉ nghe tiếng cười của ông Ba Trợn, đám tụi mình, thêm được nghe tiếng mắng chửi của ông Ba Trợn quá, Bổn ơi... Chẳng gặp được ai cả. Rừng chín năm qua vui vẻ là thế, sum vầy là thế, tự do, dân chủ là thế, mà những ngày các ông đi rồi, khác nào khu rừng chết, nghĩa địa khổng lồ... Một đêm, tôi thấy thấp thoáng bóng ai giống bóng ông Chín Quỳ, Phó tướng của ông Tám Nghệ. Tôi chạy lao tới, gọi vang rừng. Cái bóng ấy biến mất giữa rừng già. Chắc chắn là ông Chín Quỳ, tôi tủi thân quá, bật khóc. Nước mắt như mưa. Một thằng như tôi mà nước mắt dầm dề vậy, ông hiểu là thế nào rồi. Khóc đã, lại than thở một mình: "Các ông các bà bỏ rừng, bỏ chúng tôi rủ nhau đi hết, chúng tôi sống với ai đây?". Chợt nghe tiếng ồm ồm của ai đó vọng lại, còn cay đắng hơn: "Khóc là nhục. Rên là hèn... Còn rừng, tụi mình còn phải sống.". Có lẽ nào đó là tiếng nói của ông tướng cướp Chín Quỳ, Phó tướng của ông Tám Nghệ? Tôi biết ông Chín Quỳ bỏ đội quân đi tập kết, ở lại chết sống với rừng. Ông nói: "Mấy năm trước tháng Tám 45, một mình tao với

vài anh em đồng chí, vài cây súng... vẫn đánh nhau với bọn Nhật, bọn Pháp bọn Tề điệp... để giữ khu rừng đại ngàn này cho cách mạng. Ngày nay dù chúng nó là Pháp, Mỹ, bù nhìn, Việt gian nào tới xứ này, tao cũng chết sống với tụi nó". Bảy ngày sau khi các ông ra đi, tụi nó bắt đầu khùng bố vùng này, đóng lại bót Lạc An, ngày ngày kéo quân hăm hiếp, bắn giết. Và, đúng lời hứa của ông Chín Quì. Một đêm, bót Lạc An bị ông đánh trọc. Chúng nó la làng là Việt Minh không tôn trọng hiệp định Giơneo. Chúng càng ra sức khùng bố. Tôi định xuống chợ Biên Hòa tìm bắt liên lạc với vài cơ sở quen cũ. Chẳng may, mấy thằng quen lúc tôi giả danh công chức cũ để đưa năm trăm em xuống miền Tây tập kết, phát hiện. Tôi bị bắt. Thôi, phen này khó mà được trở về với rừng đại ngàn chiến khu Đ nữa rồi. Cái tụi này, từng theo sách của mình trong chín năm, nó tàn bạo và thâm hiểm hết sức. Tôi cùng anh em đồng chí cũ bị chúng tra tấn, hành hạ hết sức tàn độc. Đúng là thân tàn ma dại... Rồi một số bị đày ra Côn đảo, trong đó có anh Phan Duy Khai, anh Ba Đại từng là huyện ủy Châu Thành... Cái làng Bình Long của ông bị dồn xuống rừng chồi lập ấp chiến lược... Mà ông có biết trong năm trăm em trai gái do tôi đưa xuống Cà Mau để kịp chuyển tàu tập kết ấy, có ai là người xứ mình, nay vẫn còn sống, lại làm quan to không? Nhiều lắm. Lúc xuống tới Cà Mau, tôi có nghe tin về ông: Ông đang đi lập các điểm đón tù nhân ta từ Phú Quốc về, có thầy giáo Giang nguyên là Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chánh huyện Tân Uyên, cùng lúc anh Mai Sơn Việt làm Phó chủ tịch...

Bên dòng sông Đồng Nai mùa nắng khô cạn hôm ấy, Chín Đình giọng phều phào, đầu thường ngoẹo sang một bên, thủ thỉ cùng tôi cả một quãng đời dài, rất dài kể từ khi hai chúng tôi chia tay nhau.

Cuối cùng, Chín Đình trao tay tôi một bó giấy tờ, khô giòn, cong queo, lấm láp, bảo nhỏ:

- Tôi biết giờ ông là nhà văn cũng loại khá khá, được cả nước biết. Ông có vui thì giúp tôi một việc, gặp những ai quen biết tại mình thời chín năm kháng chiến chống Pháp, nhờ họ chứng nhận cho tôi có làm việc gì việc gì trong giai đoạn ấy. Phần ông, giai đoạn chúng mình ở Ban giáo dục huyện Tân Uyên, ông chứng nhận cho... Tiếc quá, chị Thanh Hóa đã hy sinh trong những ngày đánh Mỹ. Chị Thanh Tao hiện đang là bà chủ trại gà bên núi Châu Thới, già lắm. Chị Thanh Hậu hoa hậu của chúng ta thì cũng lặn đạn chẳng kém, đeo đuổi tới ngày toàn thắng 1975 lịch sử, người chồng sau là đại tá đang công tác bên Campuchia. Ba chục năm trời long đất lở, đúng là mỗi người là một bộ sử, Bổn à. Cái bộ sử ấy, trời, làm sao viết hết, viết chính xác được? À, ông Nhị Nguyên về sau, ở tại Ấp chiến lược với gia đình ông, gọi là ấp chiến lược Tân Phú - Bình Long, buồn lắm, thảm lắm. Còn sống đến vài năm sau năm 1975, có ý chờ ông. Nghe nói ông từ Campuchia có về tìm chỗ, đúng không? Không gặp chứ gì? Ngày ngày ổng qua sông tại bến dò Long Chánh của ông, vô rừng chiến khu Đ của tại mình chặt củi về bán mua gạo qua ngày... Có tiếng người la lối ngoài bờ sông. Hai chúng tôi bước ra sau vườn héo nhìn qua bên kia sông, tức là làng tôi. Làng tôi vẫn một dải mờ mờ

khô héo, loang lổ vài khoảng màu vàng cháy như lông bò. Hòa bình hơn mười năm rồi, mà cái làng, cái vùng đất chiến khu xưa đã từng ôm ấp, nuôi nấng chúng tôi vẫn teo tóp, xơ xác. Vài chiếc thuyền thả trôi giữa dòng sông Đồng Nai, chỗ năm xưa anh Tám Nghệ chủ trương hàn sông Đồng Nai chặn không cho tàu chiến của Pháp lên tấn công chiến khu Đ.

Thuở ấy, cũng có người bàn ra: "Nữ Oa đội đá vá trời.". Nhưng rồi, cả làng, cả tổng, cả đội quân chân đất của anh Tám Nghệ, dân quân tả hữu ngạn sông Đồng Nai hò nhau dùng thuyền chở đá từ hàn ông Sâm, chở gạch đá các chùa, miếu bị đạn đại bác phá sập, trút xuống dòng sông. Cuối cùng, dòng sông rộng hàng bốn năm trăm mét, sâu hàng mấy chục mét cũng bị chặn ngang. Bên trên, lính công binh xưởng của ông Bùi Cát Vũ chế một quả thủy lôi từ trái bom lép.

Sáng hôm đó, trên bờ sông, chỗ tôi và Chín Đình đang đứng ngó nhìn đây, anh Tám Nghệ và trung tướng Nguyễn Bình, các trung đoàn trưởng Quang Trắng, Quang Đen, Nguyễn Lung cùng các cán bộ tham mưu như Võ Bá Nhạc, Võ Tinh Quân... say sưa nhìn ngắm cái ngấn nước chỗ dòng sông bị chắn lại. Chuyện lạ lùng, ít thấy.

Có tiếng loạt soạt phía sau hè nhà. Anh Bùi Thiện Ngộ, thượng tướng, nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ cũng mò về đám giỗ anh Tám Nghệ, tìm thăm chúng tôi. Khoảng năm 1948 - 50, lúc tôi làm trưởng Ban giáo dục huyện Tân Uyên, anh Bùi Thiện Ngộ làm trưởng công an huyện Tân Uyên, huyện chiến khu Đ,

có lúc đóng ở Bình Chánh - Ông Đông, gần cơ quan giáo dục chúng tôi. Giờ đây, anh Bùi Thiện Ngộ cũng như hai chúng tôi, đã tóc bạc, da mồi, răng móm mém, không còn phong độ như năm xưa nữa. Bốn mươi năm qua rồi còn gì. Mỗi tấc đất dưới chân chúng tôi giờ đây cũng nói tiếp bao điều rất thâm kín, da diết mà chỉ có chúng tôi mới nghe, hiểu được. Có khi, chúng tôi cũng không thể nào cắt nghĩa được điều thâm kín ấy, vui, buồn, nhớ nhung, bối hối, luyến tiếc...

- Bốn còn nhớ nhà cậu Dũng không? - Anh Bùi Thiện Ngộ hỏi tôi.

- Dũng nào anh? Có phải Dũng thư ký công an huyện Tân Uyên không?

- Đúng. Sáng nay, mình có gặp cậu ta. Chưa kịp mừng, cậu ta đã biến mất. - Anh Ngộ thở dài, lau mồ hôi trên da cổ đã bùng nhùng nhiều túi da nhăn nheo.

- Sáng nay, tôi cũng có gặp. Nhưng lúc ấy, tôi đang cố giải thích cho vài anh em ở Bình Dương hiểu lý do tại sao hôm nay dân Đồng Nai làm đám giỗ anh Tám Nghệ to thế? Chừng quay lại, Dũng biến mất. Ba, bốn chục năm trời mới được gặp lại, mà có sống để gặp lại là phước đức lắm rồi, vậy mà...

- Hay là... - Anh Bùi Thiện Ngộ định nói điều gì có vẻ khó khăn lắm, lại thôi. Chắc chắn không phải vì lý do chính trị của Dũng trong thời gian ở lại. Bởi vì, nếu có chuyện đó, trước khi về lại chiến khu, anh Ngộ phải biết chứ? Anh ấy là thượng tướng, là Bộ trưởng Bộ Nội vụ kia mà. Tôi quả quyết: Chỉ vì mặc cảm thôi.

Trường hợp tương tự thế này, từ ngày hòa bình về lại quê hương, tôi đã gặp nhiều lắm rồi. May là tôi chỉ là anh nhà văn nghèo, không vai trò quan trọng, không quyền thế gì, mà còn vậy.

Nhân lúc Chín Đình vào nhà lấy thùng xuống mức nước sông Đồng Nai lên đái chúng tôi, tôi bảo nhỏ anh Bùi Thiện Ngộ:

- Lát nữa, tôi sẽ tìm Dũng. Có thể Dũng bị mặc cảm thôi, anh ạ. Dù sao, ngày ở đây cùng cơ quan, anh là Trưởng phòng, Dũng là chánh văn phòng...

- Từ ngày hòa bình, tôi cũng gặp chuyện tương tự thế này nhiều lắm. Nếu suy nghĩ thế, tôi làm sao dám trở lại đây gặp anh Tám Nghệ trên cương vị thượng tướng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ? Lúc anh Tám là Tư lệnh khu Bảy, tôi chỉ là anh Trưởng phòng công an huyện.

Chuyện tâm phào chờ Đình. Chờ mãi, chẳng thấy tăm dạng Đình đâu? Ra bờ sông nhìn xuống bến nước, vẫn trống vắng. Lại mặc cảm rồi! Lần trước đây, có vậy đâu. Lần ấy, tôi mò về thăm Đình tại nơi này. Đi một mình tôi. Đình đang cúi khòm lưng, bèo, đục, đóng đinh giữa nhà. Đình đang đóng tủ, rất khéo tay. Đình mừng ra mặt, nhắc chuyện xưa, bạn xưa. Đến chiều, tôi có việc phải xuống chợ huyện Tân Uyên gặp Ủy ban hành chánh huyện, huyện ủy, Đình cũng lót lót theo tôi, vui vẻ lắm kia mà.

Anh Bùi Thiện Ngộ từng bước đến gần tôi, gần như thì thầm:

- Có một tâm trạng buâng khuâng, buồn... khi

được trở lại những nơi mình công tác thời chống Pháp, chống Mỹ: Cảnh cũ còn đó, mà người xưa vắng bóng nhiều lắm. May ra, còn gặp lại một vài người già, nhớ trước quên sau. Cứ đi lơ ngơ ngoài đường, giữa đám thanh niên, trẻ con, chẳng biết ai là ai. Chúng cũng chẳng biết mình là ai, tới đây tìm gì, làm gì? Bâng khuâng thế nào ấy. Khó nói lắm. Có khi, được gặp lại vài bạn xưa, thì... lại bị mặc cảm, ngăn cách...

- Dù sao, cũng đỡ ân hận hơn không kịp gặp lại, không được gặp lại. Tôi có nhiều bạn thân thời đó ở cơ quan Giáo dục huyện, bằng mọi giá tôi phải quay lại tìm. Thế mà, anh ấy lại qua đời, nghe nói cũng mỗi mòn chờ gặp lại tôi. Anh Hai Đính Bí thư huyện ủy lúc ấy, tôi chỉ được gặp lại có một lần ở chân núi Châu Thới. Gặp cả chị Hai, em Bình. Mừng quá trời.

Vui miệng, tôi lại kể cho anh Bùi Thiện Ngộ nghe: Một lần , trong một cuộc hội thảo về truyền thống chiến đấu của miền Đông, anh Nguyễn Văn Lung, nguyên trung đoàn trưởng trung đoàn 310 thay anh Huỳnh Văn Nghệ lên làm tư lệnh khu Bảy, nhìn ngó khắp cuộc họp, cất giọng hỏi vui:

- Sao dợt hoài, không thấy anh Tám Nghệ tới dự, mấy ông?

Mọi người nhìn anh Lung, ngẩn ngơ, không hiểu anh hỏi thật hay hỏi chơi? Bởi vì, anh Tám Huỳnh Văn Nghệ đã qua đời vài năm qua rồi. Những vị tướng, tá, chỉ huy... có mặt hôm nay, ngày đưa tang anh Tám Nghệ đều có mặt đầy đủ, thành một hàng dài từ dốc Châu Thới lên tới chợ Tân Ba, và từ đó đưa anh về tận

LƯỢM CÁI HOA RƠI

Mỹ Lộc, ngay nền nhà anh, cũng là đại bản doanh trung đoàn 10 những ngày đầu kháng chiến.

Không nghe ai trả lời, anh Nguyễn Văn Lung lại hỏi:

- Có Cao Văn Bồ về dự không, các anh? Nó còn sống không?

Một mái đầu bạc trắng đứng lên, một giọng nhỏ nhẹ:

- Tao đây, Cao Văn Bồ đây. Nó còn sống nhẩn đây? Tui bây muốn gì?

Tôi nhớ, trong cuộc họp ấy, có thiếu tướng Lương Văn Nho, Đại tá Sơn Tiêu, Đại tá Lê Phải, ông Nguyễn Văn Quang, nguyên trung đoàn trưởng, ông Quang đen, nguyên trung đoàn trưởng, ông Hai Vĩnh, chỉ huy lực lượng Bình Xuyên cạnh tướng Bảy Viễn, sau khi ông Dương Văn Dương hy sinh... nhiều cán bộ lãnh đạo Khu Ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một...

Có ai to tiếng từ khu mộ của anh Tám Nghệ phía trước. Chúng tôi bước khỏi mái lều của Chín Đình. Con đường đất đỏ bụi tung mù, nồng nặc. Mấy chiếc xe taxi tiến vào gần ngôi mộ của anh Tám Nghệ. Chị Tám Nghệ bước lên xe, vẫn khỏe mạnh, chậm chạp, búi ngùi ngoái nhìn hình anh Tám Nghệ trên mộ chỉ mờ mờ sau lớp khói hương nghi ngút. Kế tiếp là các con của anh Tám, chị Tám, cuối cùng là Nam, con trai của anh Nghệ.

Đoàn xe rước gia đình của anh Tám Nghệ đã đi

rồi. Chúng tôi vẫn đứng đấy, nhìn dòng sông Đồng Nai lặng lẽ mùa tháng chạp, nước trong veo, nhớ hai câu thơ của anh khắc trên mộ chí: "Xin gửi lại bài thơ trên cát trắng. Và chiều nay tôi sang bến, lên đường."

HỒNG CHÂU - HỒNG SƠN

Người quen bảo tôi:

- Muốn tìm ông Châu, mà phải ông Châu cà lăm không đó? Đúng hả. Vậy ông cứ đạp xe cà tàng này qua cầu Rạch Cát, riều qua cù lao Hiệp Hòa, đạp xe qua cầu Gành, tới ngã ba chợ Đồn. Hỏi ông Châu cột đèn, là gặp lão.

- Sao lại ông Châu cột đèn? Giỡn sao cha nội?

- Thì cứ đi đi mà. Tìm bạn mà làm biếng, đâu có gặp. Chậm chạp, chả ngoẻo củ từ, lại ân hận. Tôi nghe nói ông ân hận nhiều lắm vì nhiều bạn bè thời chín năm, thời chống Mỹ của ông đã bị lìa bỏ ông ra đi biệt biệt phải không? Vậy thì lên yên xe đi. Khớp, khớp con ngựa ô...

Đạp xe đi giữa cầu Rạch Cát lộng gió, bỗng đâu lù lù đoàn xe lửa từ phía chợ Đồn kéo còi sòng sọc lao vào cầu. Chết rồi, người gác đường đâu? Luýnh quýnh, tôi vội vàng nhảy xuống, xách chiếc xe đạp nép sát thành cầu, nhắm mắt cho đoàn toa tàu rầm rập lao qua sát người tôi.